

Ơ QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC



LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 10 — THÁNG MƯỜI NĂM CANH-TÝ

LIÊN - HOA

Nguyệt - San

Số 10 năm thứ VI

Rằm tháng 10 năm Canh-Tý (3.12.1960)

TRONG SỐ NÀY:

Hàng thuận chúng sanh	<i>Liên-Hoa</i>
Tìm hiểu phái ZEN ở Nhật	<i>Thích Thiên-Ẩn</i>
Giác-Tiên Hòa-Thượng	<i>Hoài-Đức</i>
Đạo Phật đến với chúng ta	<i>Thích Nguyễn-Hồng</i>
Gởi cho Hương (Thơ)	<i>Nguyễn-Thái</i>
Vì sao tôi ăn chay?	<i>BS. Owens S. Parret</i>
Hẹn cùng sống chết (Mẩu chuyện đạo)	<i>Thích-nữ Thê-Quán</i>
Giữa cuộc đời	<i>Bùi-Chánh Như-Trị</i>
Tình Chim (Thơ)	<i>Quách-Tấn</i>
Những ngã đường (Chuyện dài)	<i>Võ đình-Cường</i>
Xì dầu	<i>Nguyễn-khắc-Từ</i>
Xây dựng Gia-đình	<i>Tâm-Quỳ</i>
Bức thư của Thượng-Tọa Giám-Viện Phật-học-Viện Trung-phần	
Tin tức.	

Bìa do Họa-sĩ Phạm-dăng-Trí trình bày

Hằng thuận Chúng - sanh

HÀNG thuận chúng-sanh là: cùng vũ-trụ, khắp không-gian, trong hết thầy thế-giới-hệ, bao nhiêu chủng loại khác nhau, thân thể khác nhau, màu sắc khác nhau, sống lâu khác nhau, bộ loại khác nhau, tên gọi khác nhau, tâm-tánh khác nhau, cảm-giác khác nhau, thị-dục khác nhau, tư-tưởng khác nhau, cử động khác nhau, cách mặt khác nhau, cách ăn khác nhau, cách ở khác nhau, hết thấy các loài chúng-sanh như vậy, tôi đều tùy thuận mà chuyển hóa, thừa tiếp tận lực, phụng-sự đủ cách, kính như cha mẹ, thờ như Sư-trưởng, cho đến xem như La-Hán, trọng như đức Phật, không có tâm phân biệt. Với người bệnh khổ tôi nguyện làm thầy thuốc hay, với người làm đường tôi nguyện chỉ cho đường chánh, với người trong đêm mờ tôi nguyện làm ánh sáng, với người nghèo nàn tôi nguyện cho họ của báu. Bồ-Tát phải bình-đẳng lợi ích tất cả chúng-sanh như thế. Tại sao? Vì Bồ-Tát tùy thuận chúng-sanh tức là tùy thuận chư Phật. Với chúng-sanh mà tôn kính phụng-sự thì thế là tôn-kính phụng-sự chư Phật. Nếu làm cho chúng-sanh vui vẻ thế là làm cho chư Phật vui vẻ. Tại sao như vậy? Vì tất cả chư Phật đều lấy đại-bi làm thể-chất. Mà tâm đại-

bi là do chúng sanh mà có. Rồi do tâm đại-bi mà phát tâm
bồ-đề, do tâm bồ-đề mà thành Trí-giác vô thượng (Phật quả).

Ví như cây đại thọ giữa đồng trống mênh mông, nếu
rễ được thấm nước, thì nhánh lá hoa quả tốt tươi; Cây
đại thọ Bồ-Đề trong đồng trống sinh tử cũng vậy; Cây
Bồ-đề ấy lấy tất cả chúng-sanh làm gốc rễ, mà chư Phật
Bồ-Tát là hoa quả. Nên lấy nước Đại-bi nhiều-ích chúng-
sanh thì có thể thành tựu hoa quả Trí-huệ tức là thành
Phật và Bồ-Tát.

Bồ-Tát nếu đem nước Đại-bi nhiều-ích hết thấy chúng-
sanh thì thành tựu Trí-giác Bồ-đề vô thượng, nên Bồ-Đề
thuộc về chúng sanh. Nếu không có chúng sanh thì tất
cả các vị Bồ-Tát không bao giờ thành tựu Trí-giác Bồ-đề
vô-thượng,

Thế nên, thiện-nam-tử! Sự « hằng thuận chúng sanh »
người phải hiểu như thế. Là tâm niệm bình-đẳng thì hoàn-
thành tâm đại-bi, đem tâm đại-bi tùy thuận chúng-sanh,
thế là cúng dường chư Phật được viên-mãn.

Bồ-Tát tùy thuận chúng sanh như vậy, khôngg-ian có
cùng, chúng sanh có hết, nghiệp chúng sanh, phiền não
chúng sanh có hết đi nữa, sự tùy thuận ấy cũng không
bao giờ cùng tận, tiếp tục trong từng tâm niệm, ý tưởng,
không bao giờ tạm nghỉ, cho đến thân thể, lời nói và
ý nghĩ đều thật hành không hề chán nản. Thế là hoàn
thành bản nguyện lợi tha của người tu hành Phật-đạo.

KINH HOA-NGIÊM

Phẩm Bồ-Đề-Hiền Hạnh-Nguyện

Tìm hiểu phái Zen ở Nhật:

VII — Zen của Đức Thích-Tôn

Phật-tử tương-thừa chuyển pháp-luân,
Nhân-gian muôn-thuở ánh từ-quang,
Vội-vội tuyên-dương con Đường chánh,
Niêm-hoa vị-tiểu cảnh-thuyền-tâm.

CHÁNH - PHÁP NHÂN-TANG TỬ - THỌ

PHẬT-GIÁO là giáo-lý của đức Phật do Ngài thuyết-minh. Trong Phật-giáo đức Phật tự trình bày đạo-lý chân thật mình đã chứng-ngộ; chúng sanh nương theo đó mà tu hành để chứng đến các quả-vị chân thật. Phật-dã tất nhiên không phải là một người, nhưng đại-diện của Phật-dã trong hiện kiếp là chỉ cho đức Phật Thích-Ca Mưu-Ni. Chư-h Ngài là bậc Thánh-nhơn tôn-quý của họ Thích-Ca, cũng là người khai sáng ra đạo Phật, do đó người đời thường tôn xưng Ngài là đức Thích-Tôn.

Đức Thích-Tôn tên thật là Tất-đạt-đa, hoặc Sĩ-đạt-ta (Siddhattha), con vua Tịnh-Phạn (Suddhodana) ở thành Ca-Tỳ-La (Kapila). Vợ Ngài tên là Gia-du-đa-la (Yasodharā) và con Ngài là La-hầu-la (Rāhula). Đức Thích-Tôn cũng là một người như mọi người, nhưng vì muốn tìm đạo Chân-thật, nên lúc đến 19 tuổi, Ngài đã rời bỏ mọi sự ràng buộc của thế-gian để đi xuất gia tu hành, trở thành một bậc Sa-môn. Chữ Sa-môn nói đúng theo tiếng Phạn là Samana hoặc Sramana, tức là chỉ cho những người xuất gia, chuyên nhất trong việc hành-tri tu đạo.

Trong khoảng thời gian đức Thích-Tôn đi xuất gia, ở dãy núi phụ cận với thành Vương-Xá (Pajgir), thủ-đô của

nước Magadha có những vị tu hành rất danh tiếng như ông Ālāra-Kālāma, ông Uddaka-Rāmaputta v. v. Vì muốn cầu đạo Chân-thật nên Ngài đã tìm đến các vị này để học đạo và cũng đã nhiệt tâm tu tập theo những lời dạy bảo. Phương pháp tu hành của các vị này là thuyên-định. Mục-dịch là cầu sau khi chết được sanh lên Thiên-quốc.

Đức Thích-Tôn muốn cầu đạo Chân thật nên Ngài mới xuất gia, cũng vì thế nên phương pháp tu hành và mục-dịch sanh-thiên của các vị này không thể làm cho Ngài vira lòng được. Vì thế đức Thích-Tôn đã từ giả họ và đã chọn một con đường khác. Con đường ấy là con đường tu hành khổ hạnh. Ngài đến bên sông Ni-Liên-Thuyền, tu tập theo những cách hành hạ xác thân, nan hành khổ hạnh. Trải qua 6 năm như thế, Ngài rất kiên chí bền gan trong việc tu hành khổ hạnh này, cho đến một ngày kia sức lực đã gần kiệt quệ mà vẫn chưa tìm thấy được Đạo. Do đó, Ngài tự-giác rằng: dù có tiếp tục hành hạ xác thân thêm nữa cũng vô ích, và Ngài đã bỏ lối tu hành đó. Đồng thời Ngài cũng cảm nhận rằng: Đạo Chân thật không thể dựa vào kẻ khác, cũng không thể tìm kiếm đâu xa, ngoài chính mình.

Đức Thích-Tôn đã rời bỏ lối tu hành khổ hạnh ấy và đi đến dưới gốc cây Tất-ba-la (về sau gọi là Bồ-đề thọ) ở trong rừng Gaya. cây này nhánh lá sum-sê, rất thuận lợi cho việc tu hành tâm địa. Ở dưới gốc cây Tất-ba-la ấy, Ngài đoạn tọa tư-duy, thâm nhập thuyên-định. Trong lúc thuyên-quán, Ngài đã gặp rất nhiều chướng ngại bởi nội-ma và ngoại-ma, Nhưng nhờ ý chí quả quyết, định lực phi thường nên Ngài đã thắng được tất cả. Ngài đã đoạn trừ được tất cả phiền não mê chướng, đã hàng phục được tất cả ác-ma quỷ-nhiều. Và đến ngày mồng 8 tháng 12, trong khi buổi sáng tinh sương, bình minh tỏa rạng, Ngài đã hoát-nhiên

đại-ngộ. Tâm-linh bắt đầu sáng chiếu, đạo vàng tỏa khắp từ đó. Nghĩa là Ngài đã giác-ngộ, thành tựu quả-vị Phật-đà.

Sau khi đã thành tựu quả-vị Phật-đà, Ngài được tôn-xưng là bậc Giác-giả. Trong chữ Giác-giả này không những chỉ có nghĩa Ngài là người đã chứng được đạo-quả giác-ngộ, mà còn có nghĩa Ngài đem đạo-quả ấy giáo-hóa cho mọi người đồng giác-ngộ như thế. Trên đời này đức Thích-Tôn là người đầu tiên đã hoàn thành được sứ mệnh tự-giác giác-tha, xứng hợp với chữ Giác-giả này. Chứng được đạo-quả, đối với tự thân Ngài đã đoạn trừ được tất cả tình dục ngũ chấp, đối với nhân cách Ngài đã hoàn thành được cả Bi, Trí, và đối với chân-lý Ngài đã thấu-triệt hoàn toàn. Thật là một bậc vĩ-nhân có một không hai trong thế-giới loài người này. Tất cả 49 năm thuyết pháp, Ngài đều dựa vào những quan điểm ấy để thuyết giáo độ sanh, trang trải từ-bi tri-huệ, tuyên dương chánh đạo cho mọi người cùng tu tập thật hành theo.

Trong khi thuyết-giáo, Ngài thường chỉ bày cho mọi người hiểu rõ định-luật vô thường chuyển biến của vạn pháp; đồng thời cũng do thái-độ hiểu rõ định-luật vô-thường ấy, Ngài khuyên mọi người hãy tinh tấn hành đạo để đi đến đạo quả chân-thật giải-thoát. Ngài trình bày những tội lỗi do tâm lý hẹp hòi vị-kỷ gây nên, và khuyên mọi người hãy mở rộng tâm tư, sống một đời sống khoan-hồng, rộng rãi, tiết độ đối với mình và người. Ngài tuyên bố thuyết-lý: mọi người đều bình đẳng, đồng một giá-trị nhân cách như nhau, không có giai cấp, không phân biệt nơi giống, vì tất cả đều có Phật-tánh; giòng máu cũng đỏ, nước mắt cũng mặn như nhau. Chính giáo-lý bình-đẳng này đã là một lợi khí để phá tan quan niệm phân chia giai cấp của người Ấn-độ, nhất là vào khoản trước và sau thời đức Thích-Tôn. Có

nhều nhà học giả đã không ngần ngại mà kết luận rằng: tất cả những phong-trào cách-mạng ôn-hòa giải-phóng, những bản tuyên-ngôn tự-do nhân-quyền của thế-giới hiện-đại đều phát nguyên bởi tư-tưởng của Phật-giáo.

Nhưng tất cả những chủ trương, những thuyết lý ấy phát nguyên từ đâu? Hay nói một cách khác, đức Thích-Tôn dựa vào những nguyên-lý nào để thuyết minh Phật-giáo? — Chúng ta có thể nói cách vắn tắt rằng: Ngài dựa vào chân-lý đã giác-ngộ trong khi tọa-thuyền để tuyên-dương Phật-giáo. Thật vậy, Ngài đã thành đạo trong khi ngồi thuyền - định ở dưới gốc cây Bồ-đề. Sau khi thành đạo, Ngài cũng luôn luôn giữ tâm bình-tĩnh ngày đêm tọa-thuyền không bao giờ giải-dãi. Và kinh điển của Phật-Giáo, chúng ta thấy hầu hết các kinh-điển, tất cả các thời thuyết-pháp đều do đức Thích-Tôn nói ra, sau khi đã trải qua một cuộc trầm tư mặc tưởng, thâm nhập thuyền-định. Nhờ thuyền định ngài đã quán xét thấu rõ căn cơ, cá tánh và ước vọng của chúng sanh để trực tiếp chỉ bày, ứng theo cơ mà khai ngộ. Nhờ thuyền định ngài đã liễu ngộ tận tường được đạo-lý nhân quả, luân-hồi, nghiệp báo, duyên khởi v.v... Chính đó là những tư tưởng triết-học, cũng là những yếu tố căn bản của Phật-giáo từ xưa đến nay. Cho đến khi tuổi thọ được 80, trước khi nhập Niết-bàn, một lần nữa muốn rõ thời cơ và căn-tánh của tất cả chúng-sanh, nên Ngài đã lần lượt xuất nhập thuyền-định từ Sơ-thuyền đến Cửu-thứ-đệ-định (1)

(1) Cửu-thứ-đệ-định tức là chỉ cho Diệt-tận-định. Người tu hành sau khi trải qua 4 bậc Thuyền của Sắc-giới là Sơ-thuyền, Nhị-thuyền, Tam-thuyền và Tứ-thuyền mới lần lần đi đến 4 bậc Định của vô-sắc-giới là Không-xứ-định, Thức-xứ-định, Vô-sở-hữu-xứ-định và Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-định. Sau khi trải qua 4 bậc thuyền và bốn bậc định này rồi mới dần dần đi sâu vào bậc thứ 9, tức là Diệt-tận-định, nghĩa là định lực diệt sạch tất cả tâm-tư vọng-tướng.

Như thế cho biết rằng: Cuộc đời của đức Thích-Tôn từ khi tu hành cho đến lúc thành đạo, từ khi thành đạo cho đến lúc nhập Niết-bàn, tất cả các thời, tất cả các chỗ, kể cả lúc thuyết-pháp độ sanh, Ngài đều ở trong thuyền-định. Chúng ta có thể nói rằng: tất cả cuộc đời, tất cả hành vi ngôn-ngữ, ý nghĩ của đức Thích-Tôn đều là hiện thân của thuyền-định, cũng như ánh sáng là phát xuất từ mặt trời vậy. Chữ Zen theo danh từ của Phật-giáo Nhật-Bản là tiếng nói tắt của chữ thuyền-định này.

Đức Thích-Tôn là Thi-tổ của Phật-giáo, những oai-nghi cử-chỉ, những cách đi đứng nằm ngồi, những lối thuyết-pháp độ sanh của Ngài, tất cả đều phát xuất từ thuyền-định, nên Phật-giáo chính là một tôn-giáo lấy thuyền-định làm gốc. Câu «Na-già thường đại-định», chính là đề biểu dương cho ý nghĩa đức Thích-Tôn thường ở trong định này. Chữ Na-già ở đây là dịch âm của chữ Nāga, dịch nghĩa là long (rồng) hoặc là tượng (voi). Long tượng là 2 thứ cao quý nhất trong các loài động vật; đức Thích-Tôn là bậc vĩ-nhân của nhân loại, nên thường lấy long và tượng để làm thí-dụ.

Về ý nghĩa câu «Na-già thường đại-định», trong các kinh điển nguyên thủy của Phật-giáo, có chép như sau: «Trong khi tọa thuyền, hơi thở ra vào được điều hòa thành thời, nội tâm thường được an trú trong định. Na-già (Long tượng) đi cũng là định mà đứng cũng ở trong định; Na-già nằm cũng định mà ngồi cũng ở trong định. Tất cả cử động trong mọi trường hợp, Na-già thường giữ tiết độ, điều hòa, diễm tịnh. Người tu hành đạt đến chỗ ấy tức là thành tựu hạnh của Na-già». (2) Đức Thích-

(2) Đoạn văn này có chép trong bộ Trường-lão-kệ, 696-697 và quyển thứ 6 trong Tăng-Chi-bộ, trang 43.

Tôn không bao giờ rời khỏi thuyền-định, tất cả ngôn hạnh của Ngài đều là hiện thân của thuyền-định, nên Ngài là người đã thành tựu được hạnh của Na-già, ngài đã thành tựu được hạnh của Na-già nên tất cả giáo-lý của Ngài, tất cả phương-pháp tu hành của Ngài dạy đều lấy thuyền-định làm căn bản.

Ở đây chúng ta nên nhớ thêm rằng: Tọa-thuyền là một phương pháp tu hành hoàn toàn dựa trên thực tế. Không phải vì cầu sanh thiên, hoặc nghĩ đến vấn đề sau khi chết mà tọa-thuyền; tọa-thuyền ở đây là để thể nhập, sống đúng với con đường sống chân-thật giác-ngộ. Cũng không phải vì mong được những thần-thông tự-tại, hoặc cầu những sức mạnh siêu nhiên ở ngoài, trái lại, vì muốn thấu-triệt được chân-lý, hiểu rõ được thực-thể của vạn-pháp nên mới tọa-thuyền. Phật-giáo là một tôn-giáo lấy từ-bi và trí-huệ làm căn-bản, tọa-thuyền là phương-pháp đào luyện cho con người 2 đức tánh ấy. Hai đức tánh bi và trí này chính là nguồn gốc để phát sinh ra tất cả những hành động vị-tha cứu đời, cũng là nền móng để xây dựng đạo quả giác-ngộ.

Hơn nữa, trong Phật-giáo thường lấy giới, định và huệ làm căn bản của phương pháp tu hành. Giới (Sila) tức là phương tiện ngăn ngừa các điều trái, đoạn trừ các việc ác. Đây tức là võ khí để phòng vệ thân mạng. Định (samādhi) tức là lắng đứng tâm tư vọng tưởng để quán sát sự vật. Đây tức là bàn tay cầm võ khí. Huệ (Panānā) tức là tuệ trí phá bỏ mê mờ, mở mang chánh-đạo. Đây tức là võ khí để chinh phục kẻ địch. Một khi đã có giới phòng giữ giới-thân huệ-mạng có định để sẵn sàng võ khí, có huệ để đánh dẹp vô minh thì không có một giặc phiền não nào, không có kẻ địch ma vương nào có thể đến quấy rối, ngăn cản, phá hoại sự tu hành được.

Do đó, người tu hành có thể thắng tiến trên đường giải-thoát giác-ngộ. Tuy nhiên, trong 3 thứ vô khí: giới, định, huệ trên, định là quan hệ hơn cả. Vì trong khi tu định tức là đã gồm có nghĩa giữ giới và định cũng là nền móng để phát sanh tri-huệ. Cho nên nếu các tôn-giáo khác lấy sự kỳ đảo lễ bái làm phương-châm hành sự, thì Phật-giáo, nhất là phái Zen lấy thuyên-dịnh làm căn bản tu tiến vậy.

Trong các kinh sách của phái Zen thường đề cao câu chuyện sau đây: « Một hôm, đức Thích-Tôn ở tại núi Linh-Thửu về phía đông-bắc của thành Vương-Xá, có một vị thần tên là Đại-phạm Thiên-vương đến dâng Phật một đóa hoa sắc vàng để cầu nghe thuyết-pháp. Thế theo lời thỉnh nguyện của Phạm-thiên đức Phật dăng-dân thuyết-giáo. Khi dăng dân xong Ngài cầm đóa hoa ấy đưa lên cao cho mọi người xem, yên lặng không dạy bảo gì cả. Tứ chúng trong hội-trường dù đã có người chứng được quả Thánh, nhưng không ai hiểu được thâm ý của Phật. Trong khi ấy chỉ có Ngài Ca-Diếp tôn-giả là bậc tu hạnh đầu-đà (Dhùta) thứ nhất, mỉm cười tỏ ý hiểu-ngộ. Nhân đó Thích-Tôn mới dạy rằng: Chỗ chứng-ngộ của ta rất thù-thắng, không thể dùng văn-tự ngữ-ngôn mà biểu-thuyên được. Nhưng ngày hôm nay, Ông Ma-ha Ca-Diếp (Mahakassapa) đã lãnh hội được đạo-lý thù-thắng ấy. » (3)

Tại sao đạo-lý thù-thắng ấy không thể dùng văn-tự ngữ-ngôn để biểu-thuyên được? — Để trả lời cho câu hỏi này, trong bộ « Chánh-pháp nhãn-tạng » chép: « Ta đã chứng-ngộ được pháp-môn vi-diệu: Chánh-pháp nhãn-tạng, Niết-bản diệu

(3) Đoạn văn này có chép trong « Đại-phạm Thiên-vương Văn Phật quyết nghi kinh ».

tâm, thật-tướng vô-tướng; pháp-môn vi-diệu ấy là pháp-môn bất-lập văn-tự, giáo-ngoại biệt-truyền. Nay ta đem giáo-pháp ấy phú chúc cho ông Ma-ha Ca-Điếp». Chúng ta nên nhớ rằng: trong hàng đệ-tử của Phật có nhiều vị chứng được những đạo-quả rất thù-thắng, như ngài Mục-Kiền-Liên thì thần-thông xuất chúng, ngài Xá-lợi-Phất thì trí-huệ siêu-quần, ngài Phú-Lâu-Na thì biện tài vô-ngại v.v... Thế mà đức Thích-Tôn chỉ truyền y bác, phú chúc Phật-pháp lại cho ngài Ca-Điếp mà thôi. Như thế cũng đủ chứng tỏ rằng: Phật-giáo là lấy thuyết-định làm gốc vậy.

Đoạn văn chép trong « Chánh-pháp nhãn-tạng » trên là căn bản của phái Zen, vì thế ở đây một lần nữa chúng ta cần tìm hiểu đến ý-nghĩa của nó. Ở đây nói là Chánh-pháp nhãn-tạng tức là chỉ cho pháp-lý chân-chánh, nhãn mục của Như-Lai. Pháp-lý chân-chánh ấy là nơi hàm chứa tất cả thiện-pháp. Nhãn mục ấy là diệu-dụng chiếu phá vô-minh, thấu rõ căn-tánh của chúng-sanh và nguyên-lý của sự vật, Niết-bàn diệu-tâm tức là thể hiện hoàn toàn được cảnh giới Niết-bàn, chỗ tuyệt-điệu của Phật-tâm. Thật tướng vô tướng tức là chỉ cho thể tướng chân thật của vạn-pháp; thể tướng ấy vượt ra ngoài các tướng trạng sai biệt đối đãi. Nói một cách tổng quát, Chánh-pháp nhãn-tạng, Niết-bàn diệu-tâm, thật-tướng vô-tướng, tức là chỗ thấu triệt, cũng là đạo-lý vi-diệu thâm thâm của Phật-pháp, chỉ có những người căn tánh siêu-việt mới lãnh hội được hoàn toàn. Người đó, theo đoạn văn trên là chỉ cho ngài Ca-Điếp tôn-giả.

Chúng ta hãy tiếp tục tìm hiểu đến ý-nghĩa của hai câu văn sau: Trong đây nói là bất-lập văn-tự tức là chỉ cho chủ-trương của phái Zen. Phái Zen là chủ-trương không lấy ngữ-ngôn văn-tự làm mục đích tối-hậu, cũng không tôn thờ ngữ-ngôn văn-tự như những thần-khải theo quan-niệm

của ngoại-đạo. Theo phái Zen, ngữ-ngôn văn-tự chỉ là những phương-tiện như ngón tay chỉ mặt trăng, chiếc thuyền chèo người qua sông mà thôi. Phải rời ngữ-ngôn văn-tự để tiến trên đường giải-thoát tự-tại. Còn giáo-ngoại biệt-truyền tức là chỉ cho phương-pháp « dĩ tâm ấn tâm », chứ không nương vào hệ-thống tổ-chức do phân-giáo tạo thành. Tại sao? — Vì mục-dịch của sự phân-giáo là đề cao những kinh-luận mình đang tôn thờ, đồng thời cũng phân loại, tổ-chức thành hệ-thống những kinh-diễn do đức Phật nói ra. Sự phân-giáo là nương vào ý-nghĩa của văn-tự để chia thành các bộ phái cao thấp rộng hẹp khác nhau. Trái lại, Zen tức là dĩ tâm ấn tâm, sư tư tương-thừa, nên không chú trọng nơi văn-tự giáo-ngữ. Câu « trực-chỉ nhân-tâm, kiến-tánh thành Phật » tức là chỉ cho ý-nghĩa này.

Đã là trực-chỉ nhân-tâm thì cứ trực tiếp chỉ thẳng cho mọi người thấy rõ Phật-tâm, Chân-tánh bản-lai diện-mục của mình là được, chứ không cần phải nương vào văn-tự. Đã là kiến-tánh thành Phật thì mọi người có thể tự mình quán xét, thấu triệt lấy tự-tánh thanh-tĩnh-tâm của mình, và chính khi đó là thành Phật rồi, chứ không cần phải đợi trải qua nhiều thời gian, cũng không cần nương vào năng lực của kẻ khác. Trong Phật-giáo thường nói « Phật tức tâm, tâm tức Phật » là chỉ cho chủ-trương « Đốn ngộ, tức chứng » của phái Zen.

Tóm lại, câu chuyện « Niêm hoa vi tiếu » trên, chứng tỏ cho ta thấy cách-thức truyền-thừa của phái Zen. Chính trong cử-chỉ đưa cánh hoa lên của đức Thích-tôn và trong sự mỉm cười của ngài Ca-Điếp là một sự thông cảm vô cùng vi-diệu giữa Sư và Đệ. Chính trong sự thông cảm ấy là một cách « dĩ tâm ấn tâm », cũng là một phương pháp truyền thọ giáo-pháp. Nương vào đó, phái Zen thường

áp dụng phương-pháp: dùng tâm để truyền đến tâm, lấy nhân-cách của Sư truyền đến nhân-cách của Đệ, dùng giáo-pháp bề ngoài ngữ-ngôn văn-tự để truyền trao cho đồ-chúng. Chính sự truyền và thọ ấy mới thật là sự truyền thọ chân-chánh của phái Zen. Câu «Đưa cành hoa lên để biểu-dương ý-nghĩa bất-biến, mỉm cười để tỏ sự sống trường-tồn», hoặc câu «Hơi ấm từ nơi nhục-thể của đức Thích-Tôn đã chuyển đến và tạo một sinh khí mới mẻ nơi nụ cười của ngài Ca-Diếp» (4) là diễn tả cho ý-nghĩa này. Thực hành đúng theo pháp truyền thọ vi-diệu của đức Thích-Tôn và ngài Ca-Diếp trên, mới thật là sự truyền-thọ đúng pháp, hợp với lịch-sử truyền thống từ xưa đến nay của phái Zen. Đồng-thời cũng do Phật-tổ tương thừa theo phương-pháp truyền-thọ ấy, nên cho đến bây giờ mặc dù phái Zen đã được truyền xa mở rộng khắp trong nhân-gian, nhưng vẫn giữ đúng nguyên chất Zen của đức Thích-Tôn vậy.

THÍCH-THIÊN-ÂN

(Kỳ sau : Chung - loại của Zen

Tích cực đọc và cổ động Liên - Hoa
Nguyệt-San là trực tiếp góp phần xây
dựng Văn-hóa Đạo-đức nước nhà.

(4) Hai câu văn này có chép trong bộ «Truyền-Quang-Lục» của Ngài Oanh-son Thiệu - Căn Thiên - sư. Ngài là vị Khai-tổ phái Zen về Tào-động-tôn của Nhật-bản.

GIÁC - TIÊN HÒA THƯỢNG

HOÀI-ĐỨC

Hôm nay mừng 4 tháng 10 âm-lịch là ngày húy-nhật của Hòa-Thượng, chúng con thành kính ghi lên đây vài diềm về thân-thế và sự nghiệp hóa duyên của Ngài, gọi là tường niệm công ơn Ngài đồng thời nhắc nhở với bà con đồng đạo, một vị Cao-tăng cận đại đã góp nhiều công đức với công cuộc chấn hưng nền Phật-giáo nước nhà. Hòa-Thượng họ Nguyễn, sanh năm Canh-thìn (1880) chánh-quán thôn Dạ-lê-thượng, quận Hương-thủy tỉnh Thừa-thiên. Sinh trưởng trong một gia đình Phật-giáo, song thân mất sớm, Ngài từ biệt họ hàng lên đường tìm đạo lúc 15 tuổi. Thọ giáo với Hòa-thượng Tâm-Tĩnh chùa Từ-Hiếu, phong độ Ngài thanh nhã, lại cần mẫn tu hành, nên Hòa-Thượng Tâm-Tĩnh rất ưa mến, và Ngài được Hòa-Thượng truyền trao thập giới lúc 21 tuổi. Ba năm sau, Hòa-Thượng Tâm-Tĩnh nhường lại chùa Từ-Hiếu cho pháp-đệ là Hòa-thượng Huệ-Minh trở về lập thảo am Thiếu-Lâm (tức là Tây-Thiên Di-Đà tự bây giờ) để chuyên tu thuyết quán, Ngài cũng được nối gót theo thầy ăn nấu thảo am trau dồi đạo nghiệp.

Năm Canh-Tuất, Hòa-Thượng Vĩnh-gia khai giới-dàn tại chùa Phúc-Lâm Quảng-Nam, Ngài được dự thọ cụ-túc-giới và được chứng đồng-giới tôn làm thủ-chúng. Sau ngày thọ đại giới, Hòa-thượng Tâm-Tĩnh thấy Ngài kinh luận đã tinh-thông, oai nghi đĩnh đạc, có thể giữ vai Hóa-chủ, nên Hòa-thượng cử Ngài làm Tọa chủ Khai-sơn chùa Trúc-Lâm

do Bà Tỷ-kheo-Ny Hồ thị hiệu Diên-Trường mới lập.

Xứng đáng với sự ủy thác của Bôn-sur và lòng chí thành của Sư bà Diên-Trường, chùa Trúc-Lâm sơ sài ngày trước, không bao lâu Ngài đã biến thành một Già-lam thẳng cánh, Phật tử xa gần đều biết tiếng, tới lui tu học mỗi ngày mỗi đông. Hòa-Thượng Tâm-Tĩnh phát lòng hoan-hỷ phú pháp cho Ngài bài kệ rằng:

覺 道 劫 空 先

空 空 般 若 船

果 因 符 行 解

處 處 即 安 然

Giác đạo kiếp không tiên

Không không Bát-nhã thuyền

Quả nhân phù hạnh giải

Xứ xứ tức an nhiên.

Danh đức Ngài lúc này đã sáng tỏ, đồ chúng của Ngài khá đông, nhưng chí « cần cầu học đạo » của Ngài không hề thối chuyển, một pháp-hội nào ở Thần-kinh khai giảng là có Ngài tham dự, Ngài Giáo-thụ Huệ-Pháp chùa Thiên-Hưng hằng tán dương đức « tinh tấn cầu học » của Ngài không ngớt.

Năm Bính-dần Sơn-môn Thừa-Thiên (tức là Giáo-hội Tăng-già hiện giờ) cùng với Bộ-Lễ lại công cử Ngài kiêm nhiệm Trụ-Trì Quốc-Tự Diệu-Đế, trọng trách và công việc Ngài liên tiếp dồn dập nhưng Ngài vẫn thiết tha lo lắng một việc tối cần cho đạo pháp tương lai là : mở trường giảng dạy đào tạo Tăng tài, nên đến năm Canh-ngọ Ngài không

ngại quan san cách trở vào tận chùa Thập tháp Bình-Định lễ thỉnh Hòa-Thượng Phước-Huệ — một Tam-tạng Pháp-sư lão thành đương thời — về Thần-kinh giảng dạy Phật pháp cho chúng Tăng. Được Hòa-Thượng Phước-Huệ chấp thuận, Ngài hoan hỷ trở về, lấy chùa Trúc-Lâm làm Phật-học-đường, tuy trường ốc còn đơn sơ nhưng Tăng chúng các chùa và cư-sĩ các nơi đến tham học mỗi ngày mỗi đông; một thời gian Phật-học-đường ấy được phát triển thêm Trung-dã và Cao-dã, nên phải thuyên chuyển đến các tờ đình rộng rãi như Tường-vân, Tây-Thiên, Linh-quang. Báo-quốc v. v... Có thể nói các Phật-học-đường miền Trung sau này là khai sanh từ đây và một số Giảng-sư của Tông-hội Phật-giáo Việt-Nam hiện thời cũng đã từng học ở Phật-học-đường ấy mà ra.

Trong khi lo kiến tạo Tăng-trường, Ngài không quên hàng Ni-chúng, nên Ngài khuyến khích Sư bà Diệu-Hương hợp lực với một số tín-nữ thuần thành kiến thiết Ni-trường Diệu-Đức đào tạo Ni-chúng.

Qua năm Nhâm-thân 1931 nhận thấy thời cơ đã đến, cần phải khởi xướng phong-trào Phật-học, tổ chức đại-qui-mô vào trong các tầng lớp dân chúng, nên Ngài hiệp lực với quý liệt Hòa-Thượng, Đại-Đức, trong Sơn-môn và quý vị Cư-sĩ nhiệt tâm vì chánh-pháp, hờ hào thành lập An-Nam Phật-Học-Hội (tức là Hội Phật Giáo Việt-Nam tại Trung-Phần hiện thời). Là một cơ quan hoằng pháp mới lạ đối với quần chúng, hơn nữa đang sống dưới thời đô hộ, nên công cuộc tổ-chức phải gặp rất nhiều trở ngại khó khăn, nhưng Hội vẫn được thành lập và phát triển mạnh mẽ, Ngài không từ khó nhọc đứng ra đảm nhận chức Chứng-minh Đại-đạo-sư của Hội, trực tiếp điều hành Phật sự hướng dẫn đường lối tu học cho hội hữu. Thượng-Tọa Thích Mật-Khế, đệ tử thượng túc của Ngài là vị giảng-sư đầu tiên của Hội.

Trong lúc Ngài đang đứng mãnh tiến hành Phật-sự bỗng nhiên Ngài phát bệnh, sáng ngày 2-10 năm Bính-Tý (1935) Ngài bảo các đệ tử đến ngồi quanh giường bệnh rồi Ngài giảng Pháp-Bảo-Đàn kinh và ân cần phú pháp, hai hôm sau tức là 4-10 bệnh Ngài trở nặng, rồi đến 20 giờ Ngài thị tịch, hưởng thọ được 57 tuổi.

Tin Ngài thị tịch tung ra, quí liệt Hòa-Thượng, chư Đại-Đức Tăng Ni, và tín đồ hội hữu quen biết xa gần đều xúc động và thương tiếc, điện tín phân ưu, Phật-tử tới lui thăm viếng mấy ngày không ngớt, giờ tiến Ngài nhập tháp tại vườn chùa Trúc-Lâm số người đến dự cũng quá ư đông đảo, tiếng niệm Phật vang động một góc trời.

Ngài thị-tịch đến nay hơn 25 năm, nhưng đạo đức và những thành tích Phật sự của Ngài vẫn còn ghi đậm trên trang Phật sử nước nhà, những vị đệ tử Ngài như Thượng-Tọa Mật - Hiền Thượng-Tọa Mật - Nguyễn.v.v... và một số Tỷ-kheo Ni và nam nữ cư-sĩ vẫn thừa kế được đức đứng mãnh hành đạo của Ngài, đã và đang tích cực hoạt động trong phong trào Phật-giáo hiện tại.

Thật không sai với câu đối sau đây, do Tâm-Minh cư-sĩ đã ghi ở tháp Ngài.

觀相元妄，觀性元真，圓覺妙心寧有我。
囑法令傳，囑生令度，承當遺訓豈無人。

Quán tướng nguyên vọng, quán tánh nguyên chân, viên giác diệu tâm ninh hữu ngã.

Chúc pháp linh truyền, chúc sanh linh độ, thừa đương di-huấn khi vô nhân.

Tạm Dịch:

Quán sắc tướng vốn vọng, quán thể tánh vốn chân, viên-giác diệu tâm đâu còn ngã.

Chúc chánh-pháp khiển truyền, chúc chúng sanh khiển độ, thừa đương di-huấn vẫn có người.

ĐẠO PHẬT ĐẾN VỚI CHÚNG TA

THÍCH NGUYỄN - HỒNG

Thực trạng. — Đến nay đạo Phật đã truyền lan hầu khắp các quốc gia trên thế-giới như một làn hương tỏa dần trong không khí.

Ảnh hưởng Phật-Giáo lại càng sâu mạnh sau ngày hoàn cầu vừa im tiếng súng của trận thế chiến thứ hai. Hiện tượng ấy giải nghĩa vai trò cấp thiết của các tổ chức Phật-Giáo trước tình thế và đồng thời cho ta thấy niềm khao khát bằng an của nhân loại đã tìm về Phật-giáo một sự hàn gắn thương đau mà chiến-tranh đã làm rạn vỡ.

Không phải mãi đến nay ta mới nhận định ra điều đó. Trong quá trình lịch-sử đông tây, ai cũng thấy rõ ràng chiến-tranh đã làm suy đồi con người hầu hết các phương-diện

Con người hậu chiến lạc loài bơ vơ. Xã-hội hậu chiến chán chường sa đọa. Sự đời trụy lan tràn bằng mọi hình thức công khai và trá hình...

Khuyết điểm của tri-thức. — Có ai lại cho rằng con người như thế là vì vô tri và sống với bản năng giác-cảm? Chỉ có thú vật mới vô tri và sống bằng bản năng. Cái đặc biệt của con người là hoặc cao thượng hơn hoặc đê hạ hơn chứ không thể như con thú. Vậy con người có tri và tình.

Nhưng, tri thức con người không có một qui định chân xác và phổ quát trước đối tượng sự thật. Phải, quý, lành, dữ, hữu lý, vô lý, được cãi nhau mãi mà chưa đến ngày kết thúc và sẽ không bao

giờ kết thúc. Ngày trước, Pascal đã vì vậy than phiền : « Plaisante justice qu'une rivière borne, la vérité en-deçà des Pyrénées erreur au-delà » (Mia mai thay một thứ công lý mà một con sông làm giới hạn ; lẽ phải bên này dãy Pyrénées lại là điều sai lạc ở bên kia). Rồi hơn, đức Phật đã dạy cho ta thấy sự mâu thuẫn ấy không những chỉ về phương diện không gian mà còn về thời gian, về tính cách tự kỷ và tha nhân nữa. Chẳng hạn, ngày xưa quan niệm « nam nữ thụ thụ bất tương thân », việc kết bạn, trăm năm là do quyền cha mẹ. Ngày nay nam nữ giao thiệp tự do là điều hợp lý và hôn nhân hẳn phải là kết quả của một quá trình thông cảm giữa tâm hồn.

Ngày xưa Trang-Chu nằm mộng thấy mình hóa bướm, khi sự tỉnh dậy thì bàng khuâng không biết rằng mình đã hóa bướm thật hay chính mình là bướm vừa hóa làm người. Một câu chuyện cổ tích được kể lại rằng : « Ngày

xưa có một ông cụ già gánh đôi giỏ xuống mức nước dưới sông đem lên tưới cây... ». Ngày nay, báo chí đăng những tin làm ai cũng ngạc nhiên : cha giết con, triệu phú tự sát v.v... Và biết bao nhiêu việc nữa mà con mắt tha nhân thấy là vô lý, kỳ quặc, khó hiểu ; nhưng trái lại nó đúng và không khó hiểu với người trong cuộc. Một cử chỉ, một hành động sao không là trung thành vâng theo lòng nhiệt huyết và ý thức tự kỷ, hay mặc một ý nghĩa muốn biểu thị dưới hình thức kín đáo. Với anh thì sai, nhưng đúng với chính tôi. Sự thật, là một sự thật khép kín trước con người xa lạ. Đối thoại chỉ là phù phiếm chẳng đi đến đâu.

Bước sang địa hạt vật lý, với những vật thể cụ tượng ta có thể đo lường được, với những hiện tượng có thể thí nghiệm được ta tưởng như đã nắm được chân lý. Nhưng cơ sở vẫn dựa vào kinh nghiệm và phán đoán của tri óc. Vì

thế, những phát kiến mới mẽ của Newfon, Copernic đã làm lung lay nền tảng thiên văn học cựu truyền. Hình học Euclide với không gian ba chiều phải chăng còn chiếm địa vị độc tôn? Einstein đã nói: « Khoa học càng gần thực tế càng xa chân lý, càng gần chân lý càng xa thực tế ».

Con tim bị bỏ quên. —

Trong khi đó, sự mài miết về đường lý trí thì con tim người hầu như lãng quên cảm động. Sự tiến triển đơn phương của lý trí chưa hẳn là điều may mắn nếu không muốn nói là tai họa. Ta nghĩ như sao về hậu quả của sự phát kiến chất nổ Dynamite và Nitroglycerine khi được áp dụng trong chiến tranh? Kỹ nguyên, nguyên tử phải chăng đã đến lúc hồi hộp nhất cho sự tồn vong của nhân loại? Đây là hai phi công đầu tiên đã bấm nút điện để rơi cái vẫn mình xuống Quảng-đảo và Trường-kỳ. Hai phi công đã một điên loạn và một khoác áo nhà tu. Einstein, nhà bác học nguyên tử nghĩ làm sao khi nói: « Nếu tôi làm lại

được cuộc đời thì tôi xin làm một anh thợ hàn hay người phu khuôn vác hơn là làm một nhà khoa học ». Ngày xưa khi khoa học chưa rực rỡ mấy mà Bergson đã nói một câu gần như công thức « Hết thấy cơn khủng hoảng hiện tại, đều bởi tinh thần không theo kịp vật chất trên đường tiến của nhân loại ».

Hiểu biết bằng trí tuệ.

— Những điều trên là lý do thúc dục người Tây-phương tìm về với nền đạo-học Á-đông mà phong trào nghiên cứu Phật-học được mạnh mẽ nhất. Vì lẽ đạo Phật không như một triết lý suông, không như một tín ngưỡng mù quáng. Bồ tát cho khuyết điểm của khoa học, đạo Phật là một nền đạo lý viên dung phục vụ nhân loại hiện tại và ngày mai. Đạo Phật nhằm hoàn thiện con người về hai phương diện trí tuệ và tình yêu.

Vì trọng trí-tuệ, vì chân lý không phải là một sở hữu, một độc đoán, đức Phật trong 45 năm thuyết pháp không bao

giờ bảo lời ngài là đúng và khuyên người ta cứ nhắm mắt tin theo thì sẽ được cứu rỗi. Câu chuyện giữa đức Phật và người Kalama là một bằng chứng.

Tri tuệ không phải như trí thức thông thường đầy khuyết điểm sự hiểu biết của ta có thể phân chia làm ba loại : hiện lượng, tỷ lượng và thánh giáo lượng. Sự nhận thức lầm lạc là bởi những phần tợ hiện lượng và tợ tỷ tượng. Người học Phật, tu tập thuyên quán sẽ lần lần được phá tợ, hiển chân (chân hiện lượng và chân tỷ lượng) và phát triển khả năng thánh giáo lượng. Đó là giai đoạn người học Phật thực hành việc chuyển thức thành trí.

Thương yêu trong từ-bi. — Tinh chất thứ hai của đạo Phật là tình thương yêu. Đạo-đức Phật-giáo lấy Từ-bi làm nền tảng, vì Từ-bi là động lực thị hiện giảng sinh của đức Phật.

Trong kinh có câu : « Phật

thương chúng sinh như mẹ hiền thương con ». Mẹ yêu con thì làm gì có nghĩa trái ăn, thương hại hay xót thương của người trên cúi nhìn kẻ dưới ! Con là máu thịt của mẹ, mẹ là nguồn sống của con. Tình mẹ yêu con thể nhập, như lòng từ bi không tướng ngã nhơn, không chia đối tượng. Là Từ-bi, không nghĩ rằng ta yêu, người kia được ta yêu, ta nên yêu ai, yêu đến nhiệt độ nào của tâm lực, yêu thế có thiệt thòi gì cho ta không, ta có được đền bù gì không... Lòng Từ-bi xóa bỏ biên giới, tỏa rộng và vươn cao. Từ-bi có tri tuệ nên không sai lạc và luôn dững mãi. Ngày xưa, trong một kiếp nào, tiền thân Phật là một lái buôn ; lòng Từ-bi được diễn tả trong thái độ đối với bọn cướp biển. Một vị Pháp-sư đã đánh đập một con hươu rất tàn nhẫn trước sự ngạc nhiên của các đệ tử. Trong đời đức giáo chủ, khi còn là vị Hoàng-tử, ngài đã che chở con bò cái bị nạn, giúp đỡ con cừu con, an ủi người bệnh tật, ngăn cản cuộc

lẽ lẽ của vua Bimbisara v.v...
Và mãi cho đến nay, vì thế,
không một giọt máu rơi để làm
sáng danh đức Phật.

Chân trời. — Ta đã gặp
Phật-giáo trong một cuộc hành
trình có phần vội vã không kịp
nhìn ngắm. Tuy vậy, đã có
duyên thì sẽ còn nhiều gặp gỡ
về sau.

Chân trời đã mở, nhưng
người ta vì mê muội, vì ngạo
mạn kiêu hãnh hay nói chung
là vì nghiệp lực nên không
được nghe Phật-Pháp. Nghe
Phật-Pháp không phải là nghe
với tinh cách cầu tri mà phải
tu duy, tu tập. Có như thế
thì mới gạn lọc được phần
nhiệm đề trở thành thanh tịnh.
Làm người ai cũng muốn có
hành động cao đẹp, muốn
vươn lên chí thiện, nhưng luôn
luôn con người bị dục vọng
kéo thấp xuống. Con người ở

trong tình trạng dằng co giữa
hai chiều trái ngược. Nghe
Phật-pháp để tranh đấu cho
phần hưởng thượng để trau dồi
tri-huệ và từ-bi. Được như
thế không những là viên
nhân an vui giải thoát mà ngay
trong đời hiện tại sẽ tạo cho
ta một hiệu lực vô song trong
việc xây dựng cá nhân, gia
đình, xã-hội... B.R. Ambedkar,
cựu Bộ-trưởng Tư-pháp Ấn-
Độ đã kết luận trong bài « Đức
Phật và tương lai Phật-giáo » :
« Các quốc gia cần ý thức rằng
truyền bá đạo Phật chính là
phục vụ nhân loại ». (Présence
du Bouddhisme — page 560).
Câu nói ấy vừa có tinh cách
thực tiễn, vừa có tinh cách sâu
xa, cũng có thể tạm mượn để
kết thúc bài này.

Đạo Phật đã đến với chúng
ta!

Thích Nguyên-Hồng
(Phật-học-viên — Nha Trang)

Mây giăng miền khách địa

Xin đừng làm ta khóc!

Buổi chiều nay sụp đổ dưới chân ngày,

Buổi chiều nay chợt hiện thoáng thơ ngây.



Ta gói nhỏ lòng ta niềm nhớ tiếc

Hương lảng vãng phủ ấp dáng Chùa yêu.

Ôi sao xuyên những trâm thơm khói biển,

Đưa chân vào thềm trải cánh muôn sen.



Ta đã đi trong êm nhẹ đêm trường

Nghe rõ tiếng cao đưa lời Pháp-bừu.

Thực rõ ràng quán độn một trời thương,
Trăm ân-tứ xôn xao thời vĩnh cửu.



Ta ước hỏi không gian làn gió ngọt
Ghi chặt mây xin chút ít hương thừa,
Chuông chưa vắng để hồn say bát ngát
Viễn xứ thành thôn bản thuở trời xưa!



Này lại đây, ta nói nhỏ cho nghe:
Niềm kín đáo của một chiều quay quác,
Một chiều trông chuông hát vọng Như-Lai
Ngân giải-thoát những tâm hồn hiu hác!



Ôi mây trắng, hãy xua màu hắc ám!
Thắm màu tươi, ta gửi chiếc môi cười.

Vì sao Tôi ăn chay?

Của Bác-ST OWENS S. PARRET, trong Tạp-chí « Life and Health » - TÂM - HOÀNG dịch

L. T. S. - Ăn chay là một vấn đề rất quen thuộc, trong các sách báo Phật đã nhiều phen giải thích về ý nghĩa và lợi ích của nó. Nay chúng tôi nhận thấy bài này lại có nhiều điểm mới lạ, nhất là có thể giúp ích nhiều cho một số người còn lo sợ cho sức khỏe mình trong những bữa ăn chay, nên chúng tôi xin trích đăng vào đây. Trong bài này có nhiều chữ không được thuần túy Phật-giáo, nhưng vì trọng quyền Tác-giả nên chúng tôi vẫn giữ đúng nguyên văn.

NGUỜI không ăn thịt phải chăng là một người kỳ dị hay khôn ngoan?

Thân mẫu tôi kể lại lúc tôi thơ ấu tôi không chịu ăn một loại thịt nào và mỗi khi dứt thịt vào miệng tôi thì tôi đều nhổ ra. Thân mẫu tôi, cũng như nhiều bà mẹ khác, tưởng rằng tôi cần ăn thịt mới mau lớn nên cứ khăng khăng ép tôi ăn thịt làm tôi cũng nhiễm thói quen ăn thịt. Tuy vậy trong năm mươi năm vừa qua tôi đã chọn một lối ăn khác mà trong ấy không hề có món thịt cá hay gia-cầm nào.

Trong nghề làm thầy thuốc tôi thường giải thích cho bệnh nhân rõ mỗi khi tôi khuyên họ làm một điều gì. Chính tôi cũng không thích làm một

việc gì mà không hiểu rõ lý do vì sao tôi phải làm việc đó. Tôi tưởng rằng phần đông cũng nghĩ như thế. Cho nên sau đây tôi xin nói rõ vì sao tôi ăn chay và vì sao tôi tin rằng bạn rồi cũng sẽ ăn chay như tôi.

Tôi xin nói trước hết là tôi rất yêu đời và rất muốn sống lâu. Những ngày tôi đang sống đây rất là thích thú và đáng ghi nhớ, và tôi muốn biết tương lai còn để dành cho tôi những gì nữa. Năm nay tôi quá 70 tuổi và nhờ ơn Chúa tôi nhận thấy thời gian ngắn quá đối với công việc mà tôi muốn thực hiện. Vì thế cho nên tôi có thói quen lẫn mình vào các cuộc giải-tri mặc dầu chỉ trong vài phút mỗi ngày.

Tôi nhận thấy phần nhiều các bệnh-nhân của tôi nghĩ làm việc khi đến tuổi như tôi, nhưng tôi không mấy may có ý muốn về hưu sớm như thế. Tôi còn muốn dùng thì giờ để chăm sóc bệnh-nhân. Số đông bệnh-nhân ấy phải về hưu sớm chỉ vì họ không biết thực-hành phương pháp dưỡng sinh mà tôi hằng theo.

Sau khi nghiên-cứu vấn đề một cách khoa-học và quan sát lâu năm nguyên-nhân các chứng bệnh, tôi chắc chắn rằng: nếu tôi ăn nhiều thịt trong đời tôi thì giờ đây tôi sẽ rất già yếu và không đủ sức để hành nghề y-khoa. Một y-sĩ khi nào cũng cần có tri não sáng suốt, sức bền bỉ và tinh thần mạnh.

Người ta mau già và mau yếu là vì ăn thịt. Tuổi tác làm cho thân thể suy-nhược nhưng ảnh hưởng nơi mỗi người mỗi khác. Tuần lễ vừa qua tôi thăm bệnh cho mười người tại một khách sạn. Một người tuổi quá bốn mươi và một người tuổi gần năm mươi.

Cả hai đều ở tại một trung tâm an-dưỡng và không còn sức để làm lụng. Mặc dù đang còn trẻ tuổi mà cả hai đều già khụm, nguyên-nhân là vì thuốc lá và rượu nhưng đừng quên rằng thịt cũng dự một phần trong việc tạo ra kết quả ấy.

Thân thể người ta là do nhiều tế-bào rất nhỏ hợp thành. Mỗi tế-bào trong khi di-dưỡng hút dưỡng-khí và bài tiết chất độc. Khi công việc ấy bị ngừng trệ vì những tế bào hư hỏng thì các bộ phận của cơ thể cũng bị hư hỏng theo.

Bác-sĩ Alexis Carrel, người đã chiếm giải thưởng Nobel năm 1912, nhận thấy rằng hậu quả của việc nuôi dưỡng cơ thể và bài tiết chất độc là yếu tố làm cho tế bào trở nên hao mòn. Vì thế cho nên ông ta thí-nghiệm kéo dài sự sống của một mảnh quả tim gà bằng cách dầm nó trong một thứ nước có đặc tính làm tiêu chất cặn bã và thêm chất bổ vào. Kết quả rất là khả quan vì ông đã nuôi sống mảnh tim ấy

từ năm 1913 cho đến năm 1947. Rốt cuộc, sau 34 năm, khi Bác-sĩ Carrel chết, không ai tiếp tục cuộc thí-nghiệm ấy, mảnh tim bị quăn vào rãnh nước và cũng chết luôn. Người ta không biết mảnh tim ấy còn được sống bao lâu nếu không xảy ra trường hợp Bác-sĩ Carrel chết. Nhưng Bác-sĩ cũng đã chứng minh được rằng tuổi thọ của con người phần lớn tùy thuộc nơi sự bài tiết của chất độc và thêm sức dinh dưỡng cho các tế bào. Thế nghĩa là nếu chúng ta có thể thời thường bài tiết các chất độc khỏi tế bào của cơ thể chúng ta và dinh dưỡng một cách hợp lý các tế bào ấy, chúng ta có thể kéo dài đời sống một cách phi-thường. Cũng theo sự chứng nghiệm ấy, nếu những chất nước nuôi sống tế bào bị những chất cặn bã đầu độc thì đời sống sẽ bị rút ngắn.

Nhìn qua lịch-sử thì sách Thánh-Kinh chép rằng mười thế hệ trước nạn Hồng-Thủy đời sống trung-bình của con

người là 912 năm. Sau nạn Hồng-Thủy loài người bắt đầu ăn thịt, đời sống của mười thế-hệ sau bị giảm tuổi sống trung-bình là 317 năm.

Nhiều người nghĩ rằng nếu bạn sắp sửa làm công việc nặng nhọc hay cần đến sức bền bỉ thì bạn cần ăn một miếng thịt bi-tết to. Nhưng sự thật lại trái hẳn như thế. Đề chứng minh tôi xin dẫn ba ví dụ như sau.

— Cách đây vài năm ông Irving Fisher, một giáo-sư danh tiếng của Đại-Học-Đường Yale, chứng minh rằng những người linh mới mộ mà không ăn thịt, khi đua tài với những lực sĩ tiếng tăm nhất của thành phố Yale thì những linh mới mộ ấy sức bền bỉ xấp xỉ đôi các lực-sĩ ăn thịt.

— Nhà vô địch bơi lội Johny Weissmuller, tài tử đóng vai Tarzan, được mời đến khánh-thành cái hồ bơi tại đường Battle Creek. Trước kia Ô. Weissmuller đã từng chiếm được 56 giải vô-địch

bơi lội quốc-tế, nhưng trong 4 năm về sau thì không đạt được thành tích nào cả, vì ông trở nên già. Nhưng sau nhiều tuần theo một lối ăn chay chọn lựa thì chiếm thêm được 6 giải thưởng quốc-tế nơi cái hồ bơi mới ấy.

— Gần đây Ô. Murray Rose, một nhà bơi lội Úc-Châu ăn trường trai đã nổi danh vì chiếm được nhiều giải thưởng quốc-tế trong các Thế-vận-hội. Ô Rose ăn chay từ lúc mới hai tuổi Tài lợi nhanh và sức bơi rút khi gần đến đích của ông chứng tỏ rằng lối ăn kiên thịt có thể tăng sức bền bỉ cho người lực-sĩ.

Tại sao mà được kết quả ấy? Vì thịt chứa nhiều chất độc mà nếu con vật còn sống mới có thể bài tiết rá được. Người ăn thịt ấy dồn các chất độc của thịt vào mình. Khi các chất độc ấy thấm vào tế bào của thân thể thì làm cho con người mệt nhọc và già yếu.

Trong số các chất độc do ăn thịt mà sinh ra có chất

niêu tố (urée) và a-xít uya-rit (acide urique). Nửa kilô thịt bi-tết có phồng non 1 gờ-ram acide urique. Bác-Sĩ L.H. Newburg ở Đại-Học-Đường Ann Arbor, thí-nghiệm rằng khi thịt chiếm 25% trong thức ăn của chuột thì chuột ấy trở nên to và hoạt-động hơn các con chuột được nuôi theo lối thường. Nhưng sau ít tháng thì thận của các con chuột ăn thịt bị hư hỏng.

Một sự nguy-hiểm nữa cho người ăn thịt là súc-vật thường mang những bệnh mà người cũng thường mắc phải. Cách đây không lâu người nữ-thư-ký của tôi cho tôi biết rằng tại trại làm bơ sữa mà chồng bà ấy làm cai, vừa xảy ra bốn vụ bò bị bệnh bạch huyết và chết ngay 4 giờ sau khi Bác-sĩ Thú-Y khám ra bệnh. Các con bò ấy cũng được Bác-sĩ Thú-Y cho đem ra chợ bán. Tôi còn được biết nhiều con bò cái mà người ta không có thể nặng sữa được nữa đều được đem ra chợ bán và giá tiền bán chừng tỏ rằng các con bò ấy không đến

nổi bị vắt di hay dùng để làm phân bón.

Nhiều con bò cái bị bệnh ung thư ở mắt vẫn được nặng sửa cho đến ngày mù mắt. Sau đó các con bò ấy được Chính-phủ cho bán để làm thịt miễn rằng bệnh ung-thư không phát lộ ra nơi thân hình con bò.

Tôi tin rằng vì các sự kiện nói trên mà Bác - Sĩ J. H. Kellogg khi ngồi vào bàn ăn một bữa cơm chay nói rằng : « Ăn một bữa cơm mà không bán khoán đã phải giết bao nhiêu sinh mạng là một điều rất tốt ».

Không ai biết nhiều hơn các viên chức kiểm soát thịt về những bệnh-hoạn của những con vật bị giết để ăn thịt. Vừa rồi một người bạn đến sở tôi bán máy nghe và máy đo bệnh điếc, trong khi nói chuyện, bạn tôi kể lại việc đã xảy ra như sau. Vợ của bạn tôi trong khi dự một bữa tiệc, đáng lẽ dùng một món thịt thì lại gọi một món rau. Mọi người đều ngó đĩa rau

cho đến khi một người đàn ông lạ mặt ngồi bên cạnh vợ bạn tôi, mà bà ta chưa hề quen hỏi : « Thưa Bà, Bà dùng chay chăng ? » — « Vâng, người đàn bà đáp, ông có dùng chay không ? » — « Thưa không, tôi là kiểm soát viên thịt ».

Khi nói đến gia-cầm thì trường hợp lại đáng sợ hơn nữa. Mới rồi, tôi có đến trường Đại-học East Lansing thuộc Tiểu-Bang Michigan và ở lại đó một ngày để đi thăm một trung tâm sưu-tầm mà Chính-Phủ Liên-Bang hợp-tác với 25 Đại-Học-Đường đã thành-lập cách đây 21 năm để nghiên-cứu các chứng bệnh của loài gà. Vấn đề này đã trở nên nghiêm trọng cho đến nỗi nó có thể hãm-dọa nghề nuôi gà ở Mỹ-Quốc.

Tôi được biết rằng bệnh ung-thư nơi loài gia-cầm có rất nhiều hình thức. Ngoài ra trường hợp thông thường gà bị bệnh ung-thư có bước rõ ràng, lại có một hình-thức ung-thư mà gà mang bệnh vẫn sống đời sống tự-nhiên không có dấu hiệu gì là bị bệnh cả,

tuy nhiên gà ấy vẫn truyền nhiễm bệnh cho các gia-cầm khác. Hình thức này rất khó nhận ra, cho đến nỗi các nhà nghiên-cứu muốn tìm xem gà có bệnh hay không thì chỉ có cách cho ấp trứng của gà bị tình nghi mất bệnh trong 15 hôm. Đến ngày thứ 15, đem trứng ấy ra sát trùng ngoài vỏ rất cẩn-thận, lấy phôi-thai ra và cắt cái gan đem xay nát rồi lấy một miếng nhỏ tiêm vào bắp thịt trước ngực của một con gà khác. Nếu như mụn ung-thư xuất hiện tại chỗ tiêm thì khi ấy, và chỉ khi ấy mà thôi, người ta mới biết con gà đẻ ra trứng đó mất bệnh ung-thư. Sự hiển-nhiên là không hy-vọng gì viên-chức kiểm soát thịt có thể loại ra tất cả gia-cầm bị bệnh được, và không để gì mà chúng ta (1) có thể lựa được một con gia cầm vô bệnh để ăn thịt vào ngày Lễ Tạ Ơn.

Nói đến loài cá, tôi nhớ đến một trường-hợp xảy ra trong khi tôi câu cá tại hồ Yellowstone nước giá lạnh.

Có người khuyên tôi không nên ăn cá vì bảo có rất nhiều dun. Tôi khám xét vài con thì thấy thật như thế. Khi chiên cá chìm thường thấy dun bò ra.

Giống thỏ lại rất dễ mắc bệnh hơn nữa. Theo luật vệ-sinh của Moïse thì thỏ giống không tinh-khiết. Lúc còn nhỏ tuổi tôi thường đi săn với một người bạn, một tay thiện-xạ, và tôi thường giúp bạn tôi mổ thỏ trước khi đem bán cho khách hàng. Ít khi mà chúng tôi gặp được một con thỏ rừng không có bạch-thốn-trùng. Một hôm tôi biểu người bạn láng giềng một con thỏ mà tôi vừa bắn được, bạn tôi cảm ơn tôi và nói rằng: « Anh có biết anh quên gì không? » — Tôi trả lời: « Có lẽ tôi quên một số bạch-thốn-trùng ».

Người nào muốn bỏ ăn thịt sẽ thấy đó không phải là một

(1) Theo trong nguyên văn Anh « Không để gì mà *dad* (dad là một tiếng gọi cha của các trẻ con) có thể lựa được một con gia cầm vô bệnh... Nhưng dịch: không để gì mà cha có thể lựa được... thấy nó ra sao nên tôi tạm dịch là *chúng ta*.

vấn-đề khó như người ta tưởng lúc ban đầu.

Với những người vẫn còn ưa thích mùi thịt thì có những món ăn tuy làm bằng ngũ-cốc và trái bồ-đào nhưng rất thơm ngon. Bác-sĩ Frederick State của Đại Học Đường Harvard, một nhà chuyên-môn danh tiếng về khoa dinh-dưỡng, viết cho tôi rằng, một lối ăn gồm có các món ăn làm với hạt, trái cây, rau cải (đậu la, ve, đậu đũa, đậu lăng-ti v. v...) và trái bồ-đào cũng rất đầy đủ và có thể thay thế thịt.

Những cuộc thí nghiệm tại Trường Đại-Học Y-Khoa Tin-Lành chứng minh rằng một lối ăn không có thịt mà có dùng trái bồ-đào, các thức đậu và rau quả thì cũng đầy đủ lắm. Người ta có thể dùng các món rau «thịt» ấy để thay đổi món ăn để cho việc ăn chay được dễ dàng.

Bữa ăn của tôi khi nào cũng gồm nhiều món ăn ngon lành

nhên không khi nào tôi cảm thấy thiếu thịt. Mà thật thế, sau khi nghiên cứu các chứng bệnh của súc vật tại phòng thí-nghiệm và thấy sự tai hại vì ăn thịt của bệnh-nhân, tôi thấy khó mà ăn thịt trở lại được.

Tôi hoàn toàn đồng-y với Bác-sĩ E. V. Mc Collum, nổi danh về môn dinh-dưỡng, khi người tuyên bố rằng ai mà áp-dụng một lối ăn không có thịt thì sẽ được tăng thêm sức khỏe.

Moise là một bậc vĩ-nhân Do-Thái có làm 10 điều răn.

Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving) là một quốc-lễ của Xứ Hoa-Kỳ, thường cử-hành vào ngày Thứ Năm chót của Tháng Mười Một dương-lịch. Theo lịch-sử thì Lễ Tạ Ơn là do một nhóm người đầu tiên đi hành hương và đã thành lập thành-phố Plymouth và Massachusetts cử hành năm 1620. Họ cảm ơn Chúa vì đã lập được nghiệp tại đất Mỹ và lại có được nhiều thức ăn rất ngon. Cũng vì lẽ ấy nên tối ngày Lễ Tạ Ơn người ta thường làm một bữa tiệc thịnh-soạn mà khi nào cũng có món gà tây quay, nước sốt nam-lê và bánh bí ngô.

HẸN CÙNG

SỜNG CHẾT

Mẫu chuyện đạo của
Thích-NÔ THỀ-QUÁN

Thiều-sanh mài miết xem sách, chàng cố xua đuổi tất cả ý niệm tạp nạp, đề chuyên chú vào những điểm cốt yếu của bài vở, vì chàng nghe người ta bảo kỳ thi này khó lắm, ông Chánh chủ-khảo quá nghiêm khắc, nếu tự lực không vững thì khó hòng đậu. Thế rồi chàng miên-man nghĩ: Chao ôi! nếu mình đậu, đậu Trạng nguyên thì oai biết mấy, nào là bộ áo mào thêu rồng, buổi yến linh-dinh tại đại nội, vua sẽ trao tận tay chàng chén rượu vàng đề thưởng tân khoa, và nhất là một nàng công-chúa, ô con vua thì phải biết... rồi cứ thế, cả cuốn phim sang quý tuần tự diễn lần trong tâm tư người hàn sĩ (1) Thành thử chàng định xua đuổi bao ý nghĩ văn-vơ, mà trái lại những ý nghĩ văn kéo đến ào-ào làm chàng chẳng đọc được trang sách nào cả. Chợt nhớ lại thật tở, Thiếu-Sank đứng dậy vươn vai mỉm cười: chà bậy quá!

Bỗng nghe xa xa có tiếng trẻ con reo lên: ren, ren, ren, ren ngựa en (anh) đã về, cắt cỏ bồ-đề cho ngựa en ăn. Chàng nhìn vọng ra xa, thì quả có tiếng nhạc ngựa thật, tiếng nhạc ngựa gần lẫn, rồi dừng lại trước ngõ và, rõ ràng một mỹ-nhơn trên bạch mã nhẹ-nhàng bước xuống. Chao ôi! người đàn bà nào mà đẹp thế? sang thế? Nét đẹp như hằng-nga, phực sức như tiên-nữ. Mỹ-nhơn khoan thai tiến vào đến sân, chàng vội vàng sửa áo ra tiếp người khách lạ

1) Học trò nghèo

Nhìn mỹ-nhơn bỡ ngỡ, vì thật chàng không quen, cũng chưa hề gặp mặt.

Mỹ-nhơn biết ý chào trước : thưa Tiên-sinh nếu thiếp không lầm, thì chàng là Lý-Công-tử người thiếp muốn gặp ?

Vâng, tôi là Lý-trọng-Hiền, xin mời tiểu-thư quá bước vào nhà Song chàng không khỏi ngạc-ngàng khi thấy nhà mình thật không có một chỗ xứng đáng để người ngọc ngồi, chỉ một bộ trường-kỷ kê giữa nhà là vật gia-bảo còn lưu lại, nhưng lâu nay mãi lo đèn sách chàng để bụi bám đầy. Thiểu Sanh lấy vội khăn lau qua, rồi mời mỹ-nhơn.

Nàng khép nép ngồi vào một góc trường-ỷ, sau khi chủ nhơn đã an tọa.

— Thưa, chẳng hay tiểu-thư tìm Trọng-Hiền tôi có việc gì ạ ?

— Mỹ nhơn tỏ vẻ e-lệ, nàng cúi đầu mân-mê chiếc quạt ngà trên tay, rồi lại ngẩng nhìn chàng : Thưa công-tử ! thiếp được nghe danh công tử là bậc hiền tài nên mới tìm đến...

Chàng nghĩ thầm : tài thì thật ta chưa có, còn hiền thì cũng không hiền chi, nhưng được nghe lời xưng tụng tự miệng mỹ-nhơn thốt ra, chàng cũng cảm thấy khoan-khoái.

Chàng khiêm tốn : Dạ tiểu thư quá khen, tôi không dám, mong tiểu thư cho biết nhĩa ý của người muốn tìm tôi ?

Nàng nhỏ nhẹ lặp lại câu nói trên : Thiếp vì trọng mến hiền tài đã lâu, hôm nay thiếp đánh bạo đến đây định thưa với công tử một...

Thiểu-Sanh hồi hộp, chàng lặng lòng chờ nghe, song khi mỹ-nhơn nói nửa chừng, thì bỗng dưng một tiếng ré lên, chàng hoảng hốt nhìn ra . . . Ô quái lạ, một đồng lù lù ngồi ngay trước sân, cách nhà chừng 4, 5 thước. Không biết trên trời rớt xuống, hay dưới đất đục lên rặng chù, mà để sợ thế ? một con người một

con người ta thật sự. Nếu không có cái búi tóc rẽ tre lớn bằng củ hành tây, búi ngược lên xoáy thượng, vàng luốt như râu bắp, thì chàng cũng không biết được là đàn bà, áo xống rách như xơ mướp, người ta ngồi khoanh tay rẽ, mặt úp vào bụng. Không biết người ta non hay tra, già hay trẻ? Nhưng toàn thân của người ta cũng đủ cho chàng biết, đó là một người hủi, lác, vì sau lưng áo rách lòi ra một màu da nổi vẩy, và lây lụa cả nước...

Người ta khóc ré lên giữa khi mỹ-nhơn nói nửa chừng, nhưng lúc Thiếu Sinh bước ra thì người ta lại làm thinh, cứ ngồi một đống y si.

Chàng có ý khó chịu, đến bên: Này tiền đây đứng dậy mà đi kiếm nhà khác. Nhưng không biết điếc hay câm, nghe hay không, mà cứ ngồi lì lì, không trả lời trả vốn chi cả. Thiếu sinh xích gần lại một chút, nói to hơn: này tiền đây đứng dậy, cầm lấy, đứng dậy đi, tiền đây

Người ta vẫn bất động và cứ khóc rì rì. Chàng hơi bực mình, nhất là câu chuyện mỹ-nhơn đang nói dở mà chàng cần nghe. Chàng cố nhẫn, nói đi nói lại hai ba lần: Này đứng dậy, tiền đây nì, đứng dậy cầm lấy mà đi nhà khác chứ.

Nhưng người ta cứ làm thinh, cũng không chịu nâng mặt lên. Bực mình, chàng đề người ta ngồi đây rồi vào với khách.

Mỹ-nhơn không lấy làm lạ, cũng không đã động chi đến vấn đề người ta cả, nên chàng cũng giả lơ, rồi nhả-nhặt đề khi lại câu chuyện lúc nãy.

Người đẹp cầm quạt phe phẩy nhẹ-nhẹ chiếc kim thoa cài trên mái tóc rung-rinh những hạt kim cương quý giá, long-lĩnh, càng tăng vẻ yếu-khieu diễm-lệ bội phần.

Thiếu-Sinh say sưa nhắc: Xin tiểu-thư cho tôi cái hạnh được nghe tiếp câu chuyện tiểu-thư định nói,

Mỹ-nhơn nhỏ nhẹ: Thiếp đến đây với mục đích là xin tiền sinh cho thiếp được... Người ngọc nói chưa dứt, thì người ngoài sân lại ré lên, lần này to hơn lần trước nhiều, làm át cả tiếng mỹ-nhơn.

Thiếu-Sinh tức quá. Thật không biết quái vật ở đâu hiện ra lừng lừng, mà báo đời thế? Đành bỏ dở câu chuyện, chàng xin lỗi mỹ-nhơn rồi đứng dậy ra sân, nhìn trước nhìn sau không có một bóng người, đề mượn họ kéo cái cục nợ ra khỏi cửa, tức quá, lại khờ một nỗi nó lại ngồi ngay chính chằm trước mặt mỹ-nhơn, không lẽ tay dấm chân đá thì mất vẻ hào hoa phong nhã của mình, nhứt là mỹ-nhơn mới khen mình đó. Chàng giả đồ đứng xây lưng vào nhà đề bớt thái độ hung hăng của mình. Rồi chàng trợn mắt, bậm môi cúi vào tai người ta: Tiền hí, áo hí, cơm hí? Ưng chi? Ưng chi??? Tiếng chàng tuy nhỏ nhưng bao nhiêu căm tức đều dồn theo tiếng nói tuôn ra nên nghe rít lên để sợ.

Nhưng điếc không sợ súng, người ta cũng không chịu trả lời ưng chi, và cũng không khóc ré lên như lúc này, mà cứ khóc thút thít.

Song có để gì gần người ta được. vì hôi quá, lỗ lỏi khắp người thế kia, đụng đến thì gớm chết. Chàng đứng thẳng rồi lại cúi xuống: Ni ưng chi? Tiền hí, áo hí, gạo hí? - Người ta vẫn bất động, vẫn khóc thút thít.

Đứng lâu với cục nợ này, thì lại bỏ khách ngồi một mình, và nhất là câu chuyện mỹ-nhơn, cứ bị cơn ma le này làm đứt đoạn, nên chưa biết ngã ra ngã nào? Chàng sửa lại cử chỉ cho điềm đạm rồi đi vào. Thấy mỹ-nhơn vẫn thản nhiên với vấn đề cục nợ ngoài sân, chàng yên tâm và cầu cho người đẹp đừng đề ý đến.

Thiếu-Sinh xoa hai tay lấy lại bình tĩnh: Xin tiền thư cứ dạy

tiếp ý định của tiểu-thư. Lần này thận trọng hơn, chàng cúi đầu lóng hết tâm tư để nghe tiếp câu chuyện mỹ-nhơn sắp nói.

Người đẹp càng đẹp hơn, với dáng điệu dịu dàng e lệ. Nàng xếp chiếc quạt ngà lại, và lần này nàng lại nói nhỏ hơn, có lẽ là một vấn đề quan trọng cho đời nàng, vì thế nàng không thể có gan nói to được.

— Thưa tiên sinh, đã hai lần câu chuyện bị đứt ngang nay thiếp xin thành-thật nhắc lại, nghĩa là thiếp đến đây với một mục đích xin...

Nhưng tức ôi! vẫn như hai lần trước, người đẹp vừa nói đến đây, thì ngoài sân người ta lại ré lên thất thanh.

Sự bất quá tam, không thể nhẫn được nữa, thôi thì tam bành lục tặc tuôn ào như luồng gió lốc, chàng bước mạnh ra sân, và lần này thì không dẫn được, chàng đến xô mạnh người ta: Đờ yêu báo đời, ưng chi? Xin chi? Sao không nói? Khóc à? Khóc nì...

Té ra không cam, cũng không điếc, người ta chò dặng đến mới khóc kễ lè: Chị ơi! Sao chị để cho họ đánh em mà chị ngồi làm thinh?

— Ai là chị người? Chị người là ai? Nói mau? Đờ ma le, báo đời người ta hoài?... Người ta chỉ ngay vào mỹ-nhơn: Chị tôi ngồi đó, chị tôi ngồi kia kia...

Chàng ngạc-nhác nhìn vào, thì mỹ-nhơn khoan thai cầm quạt bước ra:

— Thưa tiên-sanh, em thiếp thật đấy, thiếp là Phước đức thiên nữ (tên) em thiếp là Tai-Họa nữ (tên) hai chị em thiếp cùng một cha mẹ sanh ra và rất thương yêu nhau « hẹn cùng sống chết » theo nhau như bóng với hình, nên chỗ nào thiếp

đến thì em thiệp theo, và thiệp thề « nếu thiệp lập gia đình thiệp cũng không xa rời em thiệp được ».

Thiếu-Sanh sưng-sờ, ngao-ngán khi nghe người đẹp kể niềm đau đúi.

Chàng nghĩ: Mỹ-nhơn đến đây nói ba lần đều dứt đoạn. Chàng nhằm lại lời nàng nói: Thiệp đến đề thừa với Tiên-sanh một... Tiên sanh cho thiệp được... Và mục đích là xin... thì chắc ý nàng muốn kết nghĩa trăm năm với ta. Mỹ-nhơn đẹp lạ, sang quý tột bậc nhưng mà sao cô em gái lại góm ghiết thể kia? Nội một cái biệt hiệu « Tai-Họa nữ » cũng đủ chết người ta rồi, nếu ta nhận lời người đẹp, khi nàng về với ta mà nàng na cả cục tai họa ấy về cho ta nữa, thì ta cũng chết.

Thôi thôi ta cự tuyệt dứt khoát cho rồi... Bao nhiêu nhân lực lúc này là vì mỹ-nhơn, nay đã không cần mỹ-nhơn nữa nên chàng cương quyết: Thôi thôi tôi xin tiểu-thư, tôi xin tiểu thư, đừng chàng đừng thiệp đừng một... đừng được... đừng xin... chỉ cả, mời đi mời đi.

Chủ đuôi ba cờ một quạt, khách kéo nhau đi không kịp ngó lui.

Chàng hăm hăm ngồi phịch xuống ghế: Hừ, chàng chàng thiệp thiệp, đồ yêu báo đời...



Đây là một đoạn trong kinh « Đại-bát Niết-bàn » chính kim khẩu của đấng Chánh-Biến-Tri (Phật) thuyết ra đề ví-dụ: chàng Thiếu Sanh là « người tu hành » — Phước-dức thiên-nữ là: « quả báo giàu sang » còn Tai-Họa nữ là các khổ « già, bệnh chết » đề chúng ta thấy: Người học đạo rất sợ cảnh phú quý vì sao? Vì phú quý cũng vẫn bị luân-hồi, mà đã luân hồi thì phải già bệnh chết.

Trong câu chuyện này đức Phật thí dụ chàng Thiểu Sanh. (1) tuy đương đắm say trước sắc đẹp khuynh thành (2) nhưng khi thấy cô em vợ (3) ngồi sù sù ra đó thì chàng nhất quyết cự tuyệt (4) mỹ-nhơn ngay.

Bởi thế, người học đạo không luận ly-trần (xuất-gia) hay thiệp-thế (cư-sĩ) cần phải cầu thoát ly sanh tử, trường tử tam-giới, nếu không thì thân hậu-hữu (thân sau) sẽ nhờ chút ít tu hành của đời này mà được phước báo giàu sang, nhưng dù sang giàu cho mấy cũng không tránh khỏi già, bệnh, chết là ba món khổ chính thức, còn thêm vào đấy biết bao là phiền-não khổ đau thường theo dõi bên ta như bóng theo hình thật đáng sợ vậy.

Ngày xưa các vị đại Bồ-tát khi ra giáo hóa chúng-sanh các ngài thường nghĩ: Ta mượn cái thân như-huyễn, đem các pháp như-huyễn, mà độ chúng-sanh như-huyễn...

Tuy các ngài thấy vạn pháp như-huyễn, nhưng chỗ quy túc của các ngài lại có định xứ hẳn hoi, như đức Bồ-Đề-Hiến đức Đại-Thế-Chí, ngài Thiên-Thai ngài Long-Thọ v.v. đều cầu sanh Tịnh-Độ, nguyện gặp Phật Di-Đà cả.

Trái với các ngài, chúng ta lại thấy vạn vật là như thật có, giang-sơn sự nghiệp, có chồng con ta, vợ hầu ta, nào cửa nhà ruộng vườn của ta thật, song Tịnh-Độ thì ta lại cho là như-huyễn. Thậm chí có người cho pháp-môn Tịnh-Độ là chuyện tầm thường, vô lý, thật đáng phàn nàn cho họ vậy.

(1) Người học đạo

(2) Luân-hồi, sanh tử

(3) Lão, bệnh, tử.

(4) Cầu thoát ly sanh tử, luân-hồi

Phỏng dịch câu chuyện này, tôi trông mong tất cả thiện-tri-thức xa gần, ai chưa niệm Phật thì xin phát tâm niệm Phật ai đã niệm thì tinh-tấn thêm.

Niệm Phật có hai phương diện: 1) Đứng về mặt tiêu cực thì người niệm Phật, miệng không nói lời dữ, thân không làm việc dữ, ý không nghĩ chuyện dữ; 2) Về mặt tích-cực thì người niệm Phật, miệng nói lời lợi ích, thân làm việc lợi ích, ý nghĩ chuyện lợi ích... Thật hành được như vậy, người niệm Phật lại phải học hạnh của Bồ-tát, nghĩa là người niệm Phật thường nghĩ: Ngã dĩ như huyền thân. Dụng như huyền pháp. Lợi lạc như huyền chúng sanh... Và mặc dù thấy vạn pháp như-huyền, người niệm Phật vẫn cần phải: Nguyễn kiến bỉ Phật A Di-Đà, nguyện đắc vãng sanh An-lạc quốc...

Nếu niệm Phật và thật hành được như vậy. Thì hiện đời sống sẽ gây nhiều thiện cảm với đại chúng, mà lâm chung chắc chắn được vãng-sanh về Tịnh-độ. Nếu không niệm Phật, không cầu vãng-sanh, xơ rỏ trở lui cõi Ta-bà này, thì dầu cho làm đến « cực vị nhân thần » cũng không khỏi cô em vợ tóc rể tre, khóc nhè nhè, ngời lù lù trước cửa thì chán lắm!

Tổng Pháp hành Kinh Phật chữ Hán

Chùa Hưng-Long

Số 298, Đường Minh-mạng — Cholon

- *Đủ các thứ Kinh Phật (chữ Hán Việt).*
- *Phật Học Đại Tự Điển và Thực Dụng Phật Học Tự Điển.*
- *Tượng sành Quán-Thế-Ám (sành Tàu) đủ cỡ và đủ kiểu.*
- *Chuỗi hạt bằng ngà và tinh nguyệt bồ-đề 108 hạt.*
- *Tranh Ảnh Phật v. v. . .*

Giữa cuộc đời

Tùy-bút của Bùi-Chánh Nhu-Trí

ĐÊM nay buồn vô tả. Từ khung cửa sổ của một căn phố chật hẹp ở khu Bàn - cờ, tôi cố nghiêng-nghiêng đôi mắt nhìn lên khoảng không gian rách nát giới hạn giữa mấy căn gác tồi tàn, mấy cột đèn điện lồi thối giăng mắc.

Ánh đèn trong ngõ hẹp tù-mù không đủ soi sáng đầu đầu. Sao đêm mập mùng ần-hiện, có lúc chong lên lơ lơ như đôi mắt của chị hàng rong, của anh tầm quất qua nhiều hóm thức trắng đêm thâu.

Người ta vẫn thường bảo tôi có vẻ chán chường. Không hẳn thế, chính khoảng không gian rách nát với ánh đèn mờ mờ, với sao đêm mập mùng ần-hiện đã làm cho tâm hồn tôi ngạt thở; những lúc ưu-tư nghĩ lại, lòng tôi chỉ còn là một giòng nước đục ngàu bụi trần gian muôn thuở.

Tuy nhiên tôi vẫn lặn hụp trong giòng đời.

Cho đến đêm nay, đã ba mươi một năm rồi, ba mươi một năm trên trái đất, một nửa cuộc đời, một nửa chu-kỳ của một kiếp hoàn-sinh, tôi vẫn bơ vơ cô độc, ngày ngày đi mất đi tìm miếng sống chẳng khác nào như những con người nguyên-thủy lang thang đuổi theo mấy con mồi.

Phải, tôi vẫn cô độc, hay nói cho đúng hơn, tâm hồn tôi đen tối từ lúc sanh thành, ngàn ngo trên đường nhân thế như con thú bị đuổi xuống đồng bằng.

Tôi là ai? Sống để làm gì? Nào tôi có biết!

Tôi có phải chỉ là một giai đoạn của vũ-trụ không? Điều đó tôi cũng không có gì chắc chắn vì rằng đối với sự tồn tại của vũ-trụ, sự tồn tại của tôi thật là vô nghĩa.

Tôi chỉ biết có một điều: tôi có sống; sự sống, không biết bao nhiêu lần, đã cống hiến cho tôi ý thức đó.

Cuộc sống dồn dập ồn ào đến nỗi tôi không thể chối bỏ nó được. Mà chối bỏ làm sao khi cuộc sống chờn vờn trước mặt tôi như một địch thủ gớm ghê, luôn luôn rình mò vồ-vập cấu-xé lấy tôi, tôi phải tranh đấu gay

gắt vì mỗi lần nhún mình, thực-tại lại dường như đè ập lên tôi.

- Tôi phải luôn luôn tranh đấu với sự sống; tranh đấu để nói rộng khoảng không gian rách nát tù hãm giữa mấy căn gác tồi tàn, giữa mấy cột đèn điện lồi thối giăng mắc.

Đêm nay buồn vô tả, đời sống vật chất làm nặng trĩu con người; tôi cố vươn mình thoát ra nhưng vô ích, tôi không có đôi cánh màu nhiệm thần tiên (hay thiếu sức bình sinh? Thực ra tôi không biết nữa) vả lại, tôi không có quyền xa lìa cuộc sống như vậy.

Nhờ cuộc sống tôi mới biết có tôi, nhờ có tôi mới có cuộc sống, tội và cuộc sống như sóng và nước đó thôi... Đạo Phật đã đến với tôi như vậy.

Đạo Phật là đạo của sự sống; từ cuộc sống và nhờ cuộc sống để giải thoát.

Bao năm qua (hay từ vô thủy) tôi vẫn đi bên ánh sáng của Phật-đạo. Nhưng hỡi ơi! ánh sáng vẫn là ánh sáng và tôi vẫn là tôi, mặc dầu tôi biết rằng bao lâu chưa hòa mình

được với ánh sáng nhiệm màu đó, tôi vẫn còn chìm đắm trong cuộc đời để chịu mọi nỗi cấu xé của cuộc đời.

Người ta bảo rằng tôi có vẻ chán chường, cái vẻ chán chường của những kẻ theo những lý-thuyết chán đời hiện đang ngồn ngàng trên địa-hạt tư-tưởng của nhân-loại. Không đâu! Đi bên cạnh ánh sáng của Phật-đạo, những nỗi buồn như đêm nay vẫn thường đến với tôi, nhưng đâu còn là những ám ảnh ray rứt, mà trái lại là phương-tiện để tôi đi sâu vào lý-tưởng tịch-diệt.

Tâm bồ-đề phát-huy từ thiền-não và tôi đến bên cạnh đạo từ kiếp sống thể lượng của muôn nghìn năm sa đọa.

Bởi vậy dù đêm nay buồn vô tả, tôi vẫn phải sống trọn cuộc đời tôi và mong rằng một ngày kia, một buổi sáng tinh sương đẹp như lúc Phật tìm ra đường giải-thoát, tôi sẽ hòa mình với ánh sáng của Phật-đạo.

Tôi không cầu xin một ân-huệ, nhưng tôi chờ mong ngày đó, nơi tôi.

Tình Chim

Ánh lửa hoàng - hôn đã lập - lòe,

Oanh vàng còn nuôi bóng hoa lê...

Hỡi anh áo trắng đừng tay nà:

Cửa tò con đang ngóng mẹ về...

Tĩnh Tọa

Nén lỵn phòng thơ bóng mỹ - nhân,

Trăng treo đĩa ngọc lộ toàn - chân.

Theo làn gió quyến hương vườn mận

Phảng-phất tiên-thần thoáng hậu-thần.

QUÁCH TẤN

Những ngã đường * * *

Chuyện dài xã-hội của VÕ ĐÌNH CƯỜNG

XI

TRONG một quán rượu ở ngã ba đường từ nhà Dung trở lại Nhatrang, Thường đang gục đầu xuống ly rượu « uýt-qui » thứ sáu. Chàng không phải là một đệ-tử của Luru-linh; tỉnh thoảng, trong lúc vui chơi với bạn bè, chàng chỉ nhấp một vài ly rượu mạnh là nhiều. Nhưng hôm nay chàng thấy cần uống thật nhiều, uống để dừng nghĩ, dừng nhớ, dừng tưởng gì cả. Lục-thức của chàng giờ đây là một đài phát thanh, một đài vô tuyến truyền hình phát ra toàn những tin buồn, những bản nhạc chết, những hình ảnh đen tối, âm đạm, thê lương. Chàng muốn uống thật nhiều rượu mạnh để đắm chìm, làm tan-rã cái máy biến chế, đúc kết đau khổ, cái ổ đang ấp nở những con quạ đen, với những tiếng kêu « oát oát » chát-chúa và những cánh đen chập chờn bay liệng quanh đầu chàng, quanh người chàng, quanh những nơi nào chàng đặt mắt đến...

Thời vậy là hết! Dung đã có thai với bọn thân-binh hơn hai tháng sau cái đêm bị chúng bắt đi. Chính Dung đã khóc nức nở khi báo tin ấy cho chàng hay. Thế là hết. Ái tình của chàng đã bị cướp đoạt; và những dấu vết của sự cướp đoạt còn in mỗi ngày mỗi đậm nét ở người yêu của chàng. Thường cố dừng nghĩ đến những gì đã qua, cố quên đi những hình ảnh đen tối, cố tìm lý do để bào chữa cho Dung nhưng không thể được! Trái lại, với một tâm tưởng thương, thiếu vị tha, thiếu quảng đại, Thường đã căm hờn với tất cả mọi người, và cả Dung nữa.

Đầu Thường đưa lắc-lư và gục xuống gần sát ly rượu; hai mắt chàng đỏ ngầu, môi mím chặt như mếu tất cả người chàng là hiện thân của chân chường, sầu hận... Thường ngồi như thế đã hơn một giờ đồng hồ. Khi chàng bước chân vào đây là 8 giờ tối; bảy giờ đã hơn chín giờ rồi. Ngoài quốc lộ, xe chạy thưa thớt. Thỉnh thoảng một xe hàng ghé lại, khách trên xe xuống uống vài ly nước giải khát hay ăn một bát phở rồi lại lên xe tiếp tục cuộc hành trình. Quán rượu Thường đang ngồi, giờ này tuy không đông khách, nhưng lúc nào cũng có người vô ra.

Vào khoảng gần 10 giờ đêm, một chiếc xe chở hành khách từ Nhatrang chạy ra, dừng lại trước tiệm rượu. Một hành khách từ trên xe bước xuống một cách mệt nhọc, và phải vịn vào vai người « lơ » mới xuống được: Một người cụt một chân và chân cụt được thắp vào một chân gỗ. Anh ta đứng trước quán rượu, hai nách chống vào hai cái nạng, tay phải xách tòn-teng một gói áo quần. Anh lưỡng lự một phút rồi bước vào quán rượu. Năm ba người khách nhìn anh có vẻ tò mò, anh đáp lại cái nhìn của họ bằng một nụ cười bán-quơ, ngược ngáp. Anh tìm một bàn trống ngồi xuống ghế, tựa hai cái nạng còn mới vào mé bàn, và gọi một bát phở tái. Trong lúc chờ đợi bát phở, anh để mắt nhìn quanh một vòng, những người khách và đứng lại trước bàn của Thường. Thường nãy giờ vẫn gục đầu xuống ly rượu, tóc phủ xuống quá trán, hai tay chống vào mép bàn. Thường không để ý đến anh chàng què chân mới vào quán, nhưng anh này nhìn chàng một cách chăm chú; và khi nhận ra đó là Thường, anh ta bỗng tái mặt, không nhìn Thường nữa, và cúi gằm mặt xuống bàn. Người chủ quán đem bát phở đến, và anh gần như giựt lấy bát phở, cầm đầu xuống ăn vội-vã, hai tay run run vì đói hay vì một xúc cảm gì mãnh liệt lắm.

Thường dang ngồi lắc-lư cái đầu xuống ly rượu, bỗng gục mặt xuống mặt bàn, khóc nức-nở, Tiếng khóc ò-ò như tiếng nước chảy xuống mán xối. Người Thường như mở toang ra bằng cửa miệng và bao nhiêu phiền muộn, uất hận tuông trào ra với tiếng khóc, với nước mắt, nước mũi, mồ hôi, hơi rượu. Mọi người trong quán nhìn nhau, dò la nguyên-nhân sự buồn tủi cực độ ấy.

Anh chàng cụt chân đứng ăn bát phở, rã rời bỏ đũa và muống xuống, rồi nhìn Thường với một vẻ mặt vừa áy náy, vừa lo ngại, vừa khổ sở. Anh nhìn Thường khóc một hồi, rồi nghĩ thế nào không biết, anh cúi xuống húp lẹ bát phở, trả tiền và vội vã chống nạn đứng lên đi ra. Đến cửa tiệm, anh đứng dừng lại, lưỡng-lự một phút, rồi quay lui, đi về phía Thường. Anh đến đứng bên cạnh Thường vỗ nhẹ vào vai Thường, nói:

— Thôi, khuya rồi, đi về đi anh Thường ạ! Đừng khóc nữa!

Thường nghe có người vỗ vào vai mình, ngưỡng đầu lên như một cái lò xo. Chàng ngờ ngác rồi sững sờ nhìn anh cụt chân và hỏi:

— Anh là ai? Anh muốn gì? Sao lại cấm tôi khóc?

— Tôi là Lực ở bên cạnh nhà cô Dung đây! Tôi ở nhà thương hơn hai tháng, nay mới về. Anh thấy không? Tôi cũng bị cưa hết một chân rồi!

— Anh bị cưa chân thì mặc kệ chó anh, chứ nói với tôi làm gì? Còn tôi khóc thì cũng mặc kệ chó tôi, anh nói làm gì?

Lực ngập ngừng một lúc, rồi lại ôn tồn nói:

— Anh không hiểu... nhưng mà thôi... phải rồi, tôi cụt chân thì mặc kệ tôi, đáng kiếp tôi... Nhưng còn anh khóc

thì... thì tôi khó chịu lắm. Tôi xin lỗi anh, tôi cũng đau khổ lắm rồi. Tôi biết lỗi tôi...

Mặc dù chưa tỉnh cơn say, Thường cũng lấy làm ngạc nhiên vì thái độ và những câu nói lạ lùng của Lực, một người mà Thường chưa hề quen biết. Thật là như hai người diếc nói chuyện, không ai hiểu ai muốn nói gì!

Thường đứng dậy, lão đảo, tay nắm ly rượu « uýt-quy » gần cạn đưa lên định uống, nhưng rồi lại dừng lại để nói, giọng nửa tỉnh nửa say:

— Anh đau khổ cái gì? Anh bị cưa chân, anh đau rồi anh lành. Chứ tôi không bao giờ hân gấn được vết thương. Anh nghĩ, người ta cướp vợ chưa cưới của tôi, người ta hãm hiếp nó, người ta bắt nó mang bầu... người ta phá tan cả hạnh phúc của tôi. Trời ơi! bọn quý-sứ đối với người. Tôi thù chúng nó, tôi thù cả con Dung, tôi thù cả anh nữa...

Lực lo sợ tái mặt. Thường đã biết âm mưu đen tối của Lực chăng? Nhưng Thường lại tiếp tục lái nhái:

— Tôi thù cả anh, tôi thù cả tôi, tôi thù cả mọi người.

Thường vừa nói vừa chệnh choảng đi ra phía cửa. Người chủ tiệm giải khát vội chạy theo đòi tiền rượu. Thường móc trong túi quần lấy ra một nắm bạc gồm một tờ giấy trăm và mấy chục bạc lẻ, vất cho người chủ tiệm nói:

—Tôi cho anh hết đó, để anh khỏi bóc lột tôi... Đòi chỉ toàn bọn bóc lột... và bọn quý-sứ.

Thường như sự nhờ Lực còn đứng ở sau, quay lại, vẫy tay:

— Anh què, ra đây, cùng đi cho có bạn. Hai đứa mình cùng đau khổ cả mà! Đợi Lực đi đến gần, Thường choàng tay qua cổ Lực; hai người cùng lão đảo, chấp chững đi ra khỏi tiệm. Hai người đứng giữa ngã ba đường nhìn lên nhìn xuống. Đường vắng vẻ, tối tăm. Mấy ngọn đèn dầu và hơi đá ở các tiệm hai bên đường chỉ soi sáng được một quãng nhỏ trước tiệm họ. Trời cũng âm-u không sao, không trăng. Bên trái hai người là con đường quốc-lộ chạy vào thành-thị Nha-Trang, bên phải là con đường quốc-lộ chạy ra chiến-khu V, trước mặt họ là con đường tỉnh hạt bằng đất đura về thôn Đồi-Mit.

Thường vẫn choàng tay qua cổ Lực dè xuống nặng nề. Lực cố gắng đỡ Thường, mặc dù hai cái nạn thúc mạnh vào nách và cái đầu gối cụt mới đâm da ấn mạnh xuống cái chân gỗ, đau nhức-nhối.

Lực hỏi Thường:

— Anh đi đâu bây giờ?

Thường lưỡng lự, rồi hỏi lại:

— Đi đâu? Cũng không biết đi đâu bây giờ! Thế anh đi đâu?

— Tôi à? Tôi định về lại thôn Đồi-Mit. Nhưng cũng chưa biết để làm gì, với cái chân què này! Anh có về với tôi không?

— Không! Nhất thiết không! Lần này tôi quyết xa Đồi Mit. Anh nghĩ còn về đó làm gì nữa? Đồi-Mit làm cho tôi đau xót lắm rồi, tôi phải tìm quên ở nơi khác.

Hơi lạnh ngoài trời đã làm cho Thường tỉnh rượu. Chẳng ăn nói có mạch lạc hơn trước. Giọng nói của chàng vẫn còn đượm nước mắt.

Chàng rút khăn ra lau mồ-hôi trên mặt và chặm nước mắt. Lực cũng thấy nao nao trong lòng.

Thường bỏ tay ra khỏi cổ Lực nói:

— Thôi anh đi về đi! Tôi đứng đây đợi xe ngoài vào, về lại Nha-Trang.

— Anh đi vào trong quán mà đợi; đừng dấy trùng gió, nguy lắm! Thôi tôi về trước... Anh Thường này!.. Tôi có tội với anh nhiều lắm, anh tha tội cho tôi nhé, anh Thường nhé!

— Anh nói gì tôi không hiểu? Anh có tội gì đối với tôi đâu?

— Tôi... à không, tôi không có tội gì với anh cả. Thôi tôi về kẻo khuya.

Lực vội vã chống nạnh, khấp khểnh rẽ xuống con đường đất. Anh đi nhanh như trốn. Thường đứng nhìn bơ vơ một mình giữa ngã ba đường.

(còn nữa)

ĐÍNH CHÍNH

Bài thơ Gió Đêm Thu — Liên - Hoa Số 9

Tri âm tịch mộ — Xin đọc là: *tri âm tịch một*.

Đêm thu Sầu Sá — Xin đọc là: *Đêm thu Sầu Sát*.

Như mũi kim rút lờ hết tình tào — Xin đọc là... *tình tào*

Nghiên cả tình tào — Xin đọc là: *Nghiêng cả*...

Lướt qua mí mắt — Xin đọc là *Lướt qua mí mắt*

Nói chuyện mình

XÌ DẦU

Nguyễn - khắc - Từ

ẢY chết. Xin đọc giả chớ vội cười. Dù cười xòa vì cái tên bình-dân, hay cười mĩm vì khinh khi những kẻ thích bợ đỡ... Không, « xi-dầu » đây không đồng nghĩa với nịnh hót, mà « xi dầu » là danh từ phổ biến của một món ăn chay thông dụng. Đáng lẽ ra, tôi phải trịnh trọng dùng hai chữ VỊ TRAI để tặng vẽ văn chương, để phụ họa cho mùi vị, để cho nó đậm đà trong những cái chén nho nhỏ và trắng tinh. Nhưng, vốn bình-dân trong tư-tưởng, mộc mạc trong lời nói, thích ngay thẳng trong việc làm — nên đối với tôi, cũng như đối với đa số dân Việt ít tiến bộ về vật-chất, chúng tôi có cảm tưởng rằng danh hiệu xi dầu « thân mật » hơn, « gần gũi » hơn.

Thêm vào đó, chúng tôi cũng đã quá ngán với những « cái tên » vừa đẹp, vừa hấp dẫn vừa hào nhoáng của thời đại huyền truyền, xin lỗi, tôi xin cải chính, của thời đại tuyên truyền này.

Chúng tôi vẫn trung thành với tư tưởng « nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon » đẹp dễ hơn nữa « Tốt gỗ hơn tốt nước sơn » thì dù cái tên xấu xí « Xi dầu » cũng không làm mất cái tinh chất của nó. Nhất là hạng xi dầu mà tôi nói đây lại là xi dầu của Phật-học-viện sản xuất. « Ngon » thì chưa chắc đã hơn ai, nhưng « tinh khiết » thì miễn phải dài dòng biện minh.



Chuyến này về Nha-trang, lo việc của đoàn thể thì ít mà lòng hướng về hăng Vị-trai thì nhiều. Sau khi trình diện quý Thầy xong, mò lên chóp đồi của Phật-học-Viện, tôi nhìn quanh... Tôi muốn dùng trực-giác để tìm hăng xi-dầu, mà tôi đã phác họa trong trí: nào dãy nhà đồ sộ, nào nhân công tấp nập, nào xe cộ chực chờ... Vị đã nhiều phen ra vào các đại hăng, tôi tự vẽ luôn phòng giám đốc với cái «bua rô» bóng láng, phòng thí nghiệm với dụng cụ tối tân, phòng khách với những chiếc ghế «xa lòng» sắc sỡ và êm ru, Cảnh đó, tôi không quên xây kho nguyên liệu, và dãy lu đầy chế phẩm.

Tôi nhìn mãi, nhìn mãi... Tôi còn nhớ địa chỉ: Cảnh chùa Phật-Giáo Khánh-Hòa, cạnh trường Bồ-Đề... Chùa đó, trường đó mà hăng Vị-trai đâu? Đang bán khoán, thì một bàn tay đặt lên vai:

— Ngắm cảnh à? Cảnh đẹp không?

— Thưa chú, không. Tôi tìm hăng Vị-trai.

— À, đấng kia...

Theo ngón tay chỉ, tôi rảo chân xuống đồi không kịp chào và cảm ơn chủ Học-tăng, cũng không kịp xin phép anh Trưởng-phái-đoàn.

Người tôi nóng lên, tim tôi đập mạnh, tôi mang máng thấy rằng... họa đồ của tôi sai! Có lý nào một hăng đã chu cấp xi dầu từ Bến Hải đến Cà-mâu mà không đúng như mức tôi tưởng! Nóng lòng thúc bước tôi đi. Tôi không nhớ lúc đó tôi đi hay chạy? Tôi nhìn cảnh vật hay nhìn vào nội tâm tôi đang dấy động?

Nhưng rồi, tôi đã đứng sững ở ngưỡng cửa một gian phòng, như trời trồng... Tim tôi như ngưng đập: Thầy Đ. M. đang chăm chú vào ống nghiệm. Máu đá của áo diệp với màu đá sẫm của chất vị trai. Cảnh đó, một chai vị trai mở nút, ngoài có dán nhãn giấy: «Qui-Nhơn trả lại ngày... Đồi mùi»

Thầy đặt ống nghiệm, nhìn ra. Tôi chỉ kịp chấp tay chưa kịp thốt nên lời thì Thầy đã ngoắt vào:

— Ngon gió nào tạt anh về đây?

— Bạch Thầy, con lần theo hương thơm của Vị-trai lá Bồ - Đề.

Mắt Thầy sáng lên, nụ cười tươi như hoa. Mở cánh cửa nhỏ nhỏ, Thầy mời « khách » vào phòng riêng. Cũng không rộng hơn phòng Giám-đốc lúc nãy mấy. Vừa chỗ một cái giường sắt, một tủ sách và một chiếc bàn nhỏ. Chỉ đọc một chiếc ghế, Thầy đã nhường cho tôi. còn Thầy, Thầy ngồi ghé lên giường.

Bây giờ thì hăng Vị-trai đồ sộ của tôi đã mờ nhạt. Cả tâm tư bị Thầy Đ. M. thu hút. Thầy tự tay rót một chén nước để mời khách, rồi đưa tôi đi viếng hăng...

Thầy luôn miệng giới thiệu, đến đâu nhân công cũng dừng dậy kính cẩn chấp tay. Nhưng những lò gạch, những thùng lọc, những hàng chai ngay ngắn, cho đến cả kho đường, kho đậu đối với tôi đều xa lạ, như những hình bóng thoáng qua. Trí tôi chỉ còn một đối tượng « con người của Thầy Đ. M. » Hình ảnh của Thầy khơi lại cho tôi bóng dáng những Thầy: Thầy C. T. ở Báo-Quốc, Thầy Đ. T. ở Liên-Hoa, Thầy T. Á. và Thầy M. C. ở ngoại quốc!

Ý nghĩ gì cứ lẩn quẩn mãi trong đầu tôi? Tôi nghe tâm tư như thăm hỏi: Với một sức học như thế, với một trình độ như thế, sao Thầy lại chịu chôn mình trong cái nhầy nhớt của đường, trong cái lầy lụa của xi dầu, trong tiếng rỗng rỗng của ve chai?

— Nè, ném một chút! Quà của hăng!

Tôi nhìn thẳng vào thầy như tra hỏi, như cố tìm trên nét mặt một phản ứng, một dấu hiệu bất mãn đối với địa-vị.

Tôi thất vọng, giọng thầy trong quá:

— Ném đi anh! Ngon hơn lúa trước.

Có lần tôi định hỏi thầy. Nhưng tôi rụt rè, sợ rằng tư tưởng của tôi lại rơi vào cái thường tình của thế nhân.

Phải, thường tình của thế-nhân: địa-vị, chức tước, bổng-lộc — Nơi đâu có cái gì khang khác, làm tôi ngòm-ngợp.

Một lần, tôi đã lên cơn sốt vì cái tư cách của Nguyễn-công-Trứ, khi từ chức Binh-bộ Tham-tri rút xuống tên lính mà không chút hổ thẹn lúc trình diện với quan đầu tỉnh Quảng-Ngãi (là học trò của ông):

— «Lúc làm Đại-tướng tôi không lấy làm vinh, thì nay làm lính tôi cũng không lấy làm nhục. Người ta ở địa-vị nào phải làm hết phận sự của địa-vị ấy»

Chân giá trị cuộc đời mà tôi đã học hỏi nơi Uy-viện tướng-công nay được bồi bổ thêm bởi việc làm của Thầy Đ.M. ý thức đã được thể hiện trên việc làm. Lý tưởng nhập thể hành động.

Này «Cống đức vô lậu», này «hành-dộng vô tướng» không còn là những danh từ trừu tượng, những lý thuyết viển vông để trang hoàng, để phong gói những mục nát bên trong.

Trong Phật-giáo không có địa-vị. Địa-vị ở đây là trách nhiệm. Giá trị căn cứ trên sự hoàn thành công tác, trong sự cố gắng thường xuyên.

Nhìn ra ngoài: «Những thùng rỗng là những thùng kêu lớn». Càng rỗng càng kêu. Người ta lên mặt với địa-vị, người ta hành diện với địa-vị và cũng vì địa-vị mà những nguyệt mắt, những đố mặt, những tay hoa, những miệng bậm tuôn trào!

Tôi liên tưởng đến những ai trong mái chùa tranh, trong khung tường cổ kính, âm thầm phụng sự chúng sanh

«Trương thử thâm tâm phụng trần sát.

«Thị tắc danh vi báo Phật ân»

«Phụng trần sát» bằng cách cho những món ăn tinh thần hay những món ăn thể chất giá trị vẫn ngang nhau, sự quan trọng không hơn không kém. Huống gì «Phụng trần sát» để «Báo Phật ân»!

Cứ mỗi lần muông «xi dầu» chan lên bát cơm nóng hổi là một lần tâm tôi xao động. Hột cơm thơm mùi dân tộc, kết tinh bằng nước mắt, mồ hôi của nông-phu không tên không tuổi được chan hòa với một thức ăn cũng thuần túy dân-tộc của những bầu tay ngắt hương đạo-vị không tuổi không tên...

Một miếng cơm thấm thiết hai mối tình kết-hợp.

Một miếng cơm hàm chứa hai mối ân sâu khó trả.

Xi dầu.

Có cái gì lảng động trong chắt đen đen ấy đã làm cho tôi cảm mến?

Có cái gì ẩn núp trong đó làm cho tôi phải tìm tôi?

Tôi nhìn «nó». Với tôi, nó không chỉ là một thực phẩm. Chán chỉ xi dầu nhan nhản ngoài phố? Bao nhiêu món ăn khác ngon hơn trải đầy trước mắt tôi?

Nếu có những kẻ không xem những mô đất, những đồng gạch của đèn đài đồ nát là vật vô-tri vô-giác, thì khi nuốt xi dầu vào bụng, tôi cũng thấm luôn cả tinh thần cao cả của những kẻ tạo ra nó vào máu, vào tim.

Kính bạch thầy Đ.M.

*Đề cập đến danh nghĩa của Thầy quả thật là một xúc phạm lớn.
Con xin dẫu lễ mong Thầy tha thứ.*

N . K . T.

XÂY DỰNG GIA - ĐÌNH

TỪ lâu trên Nguyệt-san này lần lượt các anh Hùng Khanh, Xuân-Linh, Phan Cảnh-Tuân, Lê Cao-Phan, Đức-Thương, Nguyễn Khắc-Từ, và quý Thầy như Thầy Thích Chánh Tiến đã bàn đến những nghệ thuật, đã đưa ra những dự-án đã trình bày những ý kiến xây dựng Gia-đình Phật-Tử nhưng, đợi mãi trên mặt Nguyệt san Liên-Hoa — là một tờ báo Phật-giáo duy nhất ở Trung phần — vẫn chưa đăng lại những chiêm ngôn những điều-luật của G.Đ.P.T. (1) ✪

Kề cả của ngành Thiếu và Oanh-Vũ — dù thừa biết rằng phần đông thiếu-nhi và nam-nữ thanh niên Việt-Nam đều đã được đọc và đã được biết, mà hiện nay thành phần đó rải rác trong các trường học : tiểu,

trung, đại, cũng như trong các công tư sở hay các ngành quân-dội — Nhưng theo thiên ý của chúng tôi Liên-Hoa Nguyệt-San dừng vì thấy có một số người đã biết, như vậy, mà lại ngần ngại không đăng tải * những tài liệu quý-báu * đó lên trên những trang G.Đ.P.T. của Liên-Hoa thêm một lần nữa. Và nếu cần nên đăng những nội-quy hoạt động, những điều kiện gia-nhập và mẫu đơn gia-nhập cùng sinh-hoạt của các G.Đ.P.T. trong toàn quốc (vấn đề sau đây nếu dư trang) cho các độc giả của Liên-Hoa, mà phần đông đều tha thiết với G.Đ.P.T. và muốn tìm hiểu G.Đ.P.T.

Chúng tôi tưởng sau khi đăng tải những chiêm ngôn, những điều luật của G.Đ.P.T. cùng những sinh

hoạt của G.Đ.P.T. tự nhiên người ta hiểu « ý nghĩa của G.Đ.P.T. » ngay. Rồi các anh huynh-trưởng hiện tại thi hành cho đúng, sau đó các đoàn sinh nam-nữ vui sống noi gương theo đề hoạt động thì tự nhiên ai ai cũng hiểu rõ ý nghĩa G.Đ.P.T. một cách rất đúng đắn. Bây giờ chúng tôi chỉ thiết-tha kêu gọi những anh chị huynh-trưởng của các gia - đình P.T xưa cũ — là những người đã đứng ra thành lập là những người kẻ cả đoàn sinh: thiếu-niên, thiếu-nữ đồng-niên, đồng-nữ của các G.Đ.P.T. cũ xưa của thời 48, 49 đến 53, 54 hãy vui vẻ đến với gia-đình lại đề « hòa chung điệu sống » để tìm lại những kỷ-niệm đã qua, để đem lại những nguồn vui cho mọi người và để xây-dựng một xã-hội Hòa Tin Vui được màu Bi Trí Dũng. Bây giờ G. Đ. P. T. sẽ sống mạnh và uy tín càng rộng biết bao! Và dĩ nhiên quý thầy, quý bác Gia-trưởng cũng phải trở lại Gia - đình với chúng con với niềm vui sống tin yêu của Đạo.

Hỡi các anh, các chị, các bạn thiếu-niên, thiếu-nữ, đồng-niên, đồng-nữ hãy về đi, hãy trở lại đi mà

lam yêu thương, dịu dàng dang chờ đón, đang trông mong và hân hoan đón các anh, các chị, các bạn. Các công chúa của các Khuôn Hội Phật-giáo đang rộng mở để thấy sự trở về của những cánh chim màu lam, mà từ lâu vì sinh-kế, vì hoàn-cảnh, nay có lẽ các cánh chim đã tìm được cành cây tồ ấm, và hiện giờ các cánh chim ơi! Đâu đâu màu lam, đâu đâu tiếng chuông cũng đã sẵn sàng đợi tiếng gọi của các anh, các chị, các bạn, may ra hòa chung một khúc nhạc êm êm đều đều để vui sống!



Theo thiên-ý của chúng tôi, danh hiệu Gia-Đình Phật-Tử (trong Liên-Hoa số 2 mục « Trung-cầu ý kiến » nên đổi danh hiệu Gia-đình Phật-tử ra Thanh-niên Phật-tử Việt-Nam?) không nên thay mà trong G.Đ.P.T. nên tổ chức đổi thêm một ngành nữa đó là ngành Thanh-Niên Phật-tử như vậy chúng ta thấy trong Gia-đình Phật-tử sẽ có ba ngành: Oanh-Vũ, Thiếu, và Thanh. Lễ dĩ nhiên trong mỗi ngành đều có cả nam lẫn nữ. Người Thiếu-Niên hay Thiếu-Nữ khi đã lớn, đã

đến tuổi (nhựt tuổi có vợ, có con
chàng hạn). Thì chuyển qua ngành
Thanh — nếu là những người còn
có thanh - niên tính (dù già) — và
người Thanh - Niên hay là Thanh-
Nữ Phật-tử đến tuổi hay THÍCH
không hoạt động nữa — không hoạt
động ở đây có nghĩa là hoạt động
như Thanh - Niên — thì kêu bằng
Bác — ngành Bác. Vậy có thể G.
Đ. P. T có 5 ngành và qui bác của
các khuôn hội cũng có thuộc * Gia-
đình Phật - tử » nhưng trực thuộc
Tổng-Hội.

Vậy đề kết luận G. Đ. P. T chỉ
nên tổ chức thêm một ngành Thanh
chứ không nên bỏ danh hiệu G. Đ.
P. T. Ngành Thanh bây giờ hoạt
động hoàn toàn như Tráng-Sinh của
Hương-Đạo nhưng dĩ nhiên cũng lấy
châm ngôn và điều luật của Thiếu
mà thực - hành cho viên - mãn cũng
được lắm rồi.



Chúng tôi xin nói lại một lần nữa.

nếu cần ai hiểu đúng dẫn ý nghĩa
của G.Đ'P.T. Liên-Hoa Nguyệt-
San hãy gấp rút dâng những châm-
ngôn, những điều luật, cùng nội-
quy điều lệ và mục-dịch — ở diềm
này anh Hùng-Khanh có phát họa
đơn sơ trong một số của Nguyệt-
San, nhưng như thế tưởng cũng nên
nói cho nhiều hơn nữa.

Gia-đình Phật-tử Việt-Nam bắt
điệt. Bi, Trí, Dũng, Hòa, Tin, Vui
là phương châm duy nhất của người
Phật-tử. 8 điều luật của G.Đ.P.T.
Việt-Nam rất đầy đủ ý nghĩa.

Lục Hòa của người Phật-tử rất
cao siêu. Hỡi những cánh chim lao
hãy trở về tổ cũ, * cát bụi lại trở
về với cát bụi * cũng như * lá rụng
về cội * trong ngưỡng cửa Từ-Bi sẵn
sàng, hân hoan, sung sướng chờ đón
các bạn, các cánh chim thiếu-niên,
thiếu - nữ đồng-niên, đồng - nữ.

TÂM-QUY

★ (1) Châm-ngôn, điều luật của G.Đ.P.T. đã có đầy đủ trong tập « Phật-
pháp » Tổng-Hội Phật-giáo V. N xuất - bản đã in lần thứ ba hiện có
phát hành khắp các nhà kinh sách Phật.

L. T. S

BỨC THƯ

Của Thượng-Tọa Giám-viện Phật-Học-Viện
Trung-Phần gửi quý Vị Phật-tử xa gần.

Kính quý Vị !

Mỗi tôn-giáo có một bản sắc riêng biệt, được biểu thị qua nghi-lễ, học-thuật, màu sắc và thanh-âm đặc thù của tôn-giáo ấy. Bản sắc Phật-giáo là bản sắc khoan-hậu, khoan-hậu trong giáo-lý, trên nếp sống, khoan hậu qua màu sắc thanh đạm dịu-hiền, qua thanh-âm trầm bổng nhẹ nhàng.

Quả vậy, nghe tiếng chuông chùa ngân-ngã như những đợt sóng cuộn tròn, không một người Việt-nam nào không nhận ra đó là tiếng vang bao-dung quảng-dại của Từ-bi-âm, Giải-thoát-âm và Hùng-lực-âm. Tiếng vang Từ-bi, Giải-thoát và Hùng-lực ấy, từ hai nghìn năm nay, đã lan khắp bờ cõi đất Việt và lắng sâu xuống tâm-hồn dân Việt, giáo-hóa và bồi dưỡng tâm-hồn ấy một cách súc-tích, khiến nó thấm nhuần được sâu đậm tinh-thần đạo-đức trang nhã của nền văn-minh Đông-phương và đồng thời duy-trì được trọn vẹn cốt cách bất-khuất uy vũ của nòi giống Lạc-Việt.

Nhờ vậy mà tiếng chuông Trấn-Vô hay tiếng chuông Linh-Mụ đã hòa hợp một cách kỳ diệu với Hồn-thiên đất nước, bàn bạc xôn xao trong tiếng gáy của canh gà Thọ-Xương. Thọ-Xương không chỉ riêng cho tên một làng ở bên kia Hồ-Tây; Thọ-Xương còn là tên chung của bất cứ làng nào trong bờ cõi Việt, đương có tiếng gà gáy rộn lên, đề thức tỉnh con dân Việt còn say giấc nồng, trong những đêm trường u-tịch mờ nhạt trắng sao. Phối hợp với Hồn-Thiên đất nước luôn luôn thức tỉnh ấy, tiếng vang «ngán rã mười phương mộng» của quả chuông chùa đã đóng một vai trò trợ-duyên vô cùng công hiệu. Hồn-Thiên dân Việt nhờ đó mà không bao giờ quờ quạng lăm đường, và cho dù có trải qua bao nổi tang tóc thặng trầm của thế cuộc đời thay, Hồn-Thiên ấy vẫn ý thức tròn đầy được tinh-thần thuần-túy dân-tộc của giòng giống Việt, đề thủ thắng trong mọi cuộc chiến-dấu cam go và đề trường-tồn vĩnh-viễn với núi non sông Việt.

Tại miền Nam Trung-Việt, mà đặc biệt là tại Nhatrang này, canh gà Thọ-Xương đương đời âm vang quen thuộc cùng hòa-nhập, đề sớm tối cảnh tỉnh đồng-bào và gieo rắc niệm Từ-bi, Giải-thoát và Hùng-lực một cách sâu rộng hơn. Đề đạt mục-dịch ấy, tôi đương chuẩn bị đúc một Đại-Hồng-Chung và dựng một lầu chuông tại đỉnh đồi Phước-hải, giữa hai ngôi chùa Phật-giáo Khánh-hòa và Phật-học-Viện.

Muốn cho Phật-tử hiểu rõ thêm về tác-dụng « đương thoát âm siêu » của tiếng Đại-Hồng-Chung. xin cung lục bài kệ tán thán công đức Hồng-Chung như sau :

NGUYỄN VĂN

Văn chung thanh
Phiền não khinh
Trí-huệ trường
Bồ-đề sanh
Ly địa-ngục
Xuất hỏa khanh
Nguyện thành Phật
Độ chúng sanh

DỊCH

Nghe tiếng chuông
Phiền não nhẹ
Trí-huệ lớn
Bồ-đề sanh
Lìa địa-ngục
Thoát hầm lửa
Nguyện thành Phật
Độ chúng sanh.

Đề được hoàn-mãn công-dec ấy, cần phải có sự gom công góp sức của hết thầy tin-đồ lớn, bé, già, trẻ, gái, trai. Vì vậy, tôi xin thành khẩn kêu gọi toàn thể tin-đồ nhiệt liệt hưởng-ứng mỗi người một tay, đề công-dec chóng thành tựu và đời Phước-hải sớm có tiếng vang Từ-bi ngân xa và lắng sâu vào tâm hồn đồng quê miền Nam Trung-Việt này, như tiếng chuông Trấn-Vô hay tiếng chuông Linh-Mỹ ở hai cố-đô Thăng-Long và Thuận-Hóa, hầu mong rồi đây ca-dao xưa sẽ được đời thành:

« Gió đưa cành trúc là đà,

Tiếng chuông Phật-viện, canh gà Nhatrang »

Muốn cho quả Đại-Hồng-Chung sau này ngân lên, người cõn sẽ được an-lành, kẻ mắt sẽ được siêu-thoát, nên chúng tôi chọn ngày 19 tháng 9 Âm-lịch (7-11-60) via Đức Quán-Thế-Âm Bồ-tát lên khuôn; ngày 17 tháng 11 Âm-lịch (3-1-61) via đức Phật A-Di-Đà rót đồng.

Cán lượng và kích thước giống như chuông chùa Linh-Mỹ.

NAM MÔ THƯỜNG HOAN-HỖ BỒ-TÁT MA-HA-TÁT

Nay kính bạch
THÍCH TRÍ-THỨ

Hòa-Thượng Hội-chủ vào Sài-gòn: Hòa-Thượng Thích Tịnh-Khiết Hội-chủ Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam đã từ Huế vào Sài-gòn ngày 15-9 Âm-lịch (3-11-60) để đốc thúc Phật sự của Tổng-hội, Ngài đã chủ-tọa những buổi họp bất thường của Tổng-hội, hiện nay Ngài ở chùa Xá-Lợi là trụ sở của Tổng-hội

Khánh-thành Tô-dình Từ-Hiếu. — Tô-dình Từ-Hiếu tại Huế, sau mấy tháng đại trùng tu nay đã hoàn tất và lễ khánh-thành cử hành rất long trọng vào ngày 6 và 7 tháng 10 âm lịch. Đến dự đại lễ này, người ta nhận thấy có đủ quý liệt Hòa-Thượng, Thượng-Tọa đại đức Tăng, Ni trong Giáo-hội Thừa-Thiên và rất đông tín-dồ. Trong dịp khánh-thành này đại khái có những cuộc lễ: Cầu nguyện Quốc thái dân an, nạn vong chiến sĩ, truy tiến Khai-sơn liệt tổ, tiền-nhân công đức quá cố và cầu an cho những vị đã góp phần trong việc đại trùng tu hiện tại.

Hòa-Thượng Thuyền-Tôn tới Dalat. — Hòa-Thượng Thuyền-Tôn, Hội-Trưởng Hội Phật-giáo Trung-phần vừa đến thăm Tỉnh hội Lâm-đồng và chứng minh các lễ quy-y cho hơn 600 hội viên tại Bảo-lộc.

Hòa-Thượng đến Lâm-đồng ngày 4-11-60. Tùy tùng Hòa-Thượng có Thầy Đức-Minh và Đạo-hữu Tâm-Định đại-diện cho Tổng-Trị-sự. Trong số người ra đón tiếp Hòa-Thượng tại phi

trường Liên-Khương, người ta nhận thấy có quý vị Giảng-sư, quý vị Đại-đức trong Giáo-Hội Tăng-Già Lâm-Đồng, Tuyên-Đức và quý vị đạo-hữu trong Ban Trị-sự của hai Tỉnh-hội, cùng với một số đồng công-chức, sinh-viên Trường Nông-Lâm-Mục và các Gia-đình Phật-tử.

Một đoàn xe hơn 20 chiếc đưa Hòa-Thượng và phái đoàn về Bảo-lộc. Dọc đường, các Chi hội đều có đặt quyền môn và hương án túc trực chiêm ngưỡng tôn nhan Hòa-Thượng. Mặc dầu trời mưa gió, hơn 2000 hội hữu đủ các giới kiên-nhẫn chờ đón Hòa-Thượng trước cửa chùa Bảo-lộc. Liên sau khi Hòa-Thượng tới, có lễ bái yết vô cùng thành kính và trang-nghiêm.

Hòa-Thượng đã đề trọn ngày 5 tháng 11 đi thăm và củ soát Phật-sự trong toàn tỉnh. Qua ngày 6, Hòa-Thượng liên tiếp chứng minh các lễ quy-y, lễ đặt đá cho cửa tam quan chùa Bảo-lộc và lễ trai-tăng. Sau các lễ này, Hòa-Thượng tiếp tục đi ủy lạo các chi-hội Di-Linh, Đại-Ninh, Phú-Hội và trở về Huế vào ngày 9 tháng 11.

Trong những đêm Hòa-Thượng an trú tại Bảo-lộc, các vị giảng-sư đã mở những cuộc diễn Giảng công cộng cho Phật-tử và đồng-bào Bảo-lộc nghe. Đêm giảng cuối cùng có chiếu phim lễ kỷ-niệm 2500 năm Phật nhập Niết-bàn ở Nhật-bản, và lễ Phật-dản 2.504

tại Thủ-đô Saigon. Kết quả rất tốt đẹp.

Cuộc kinh lý của Hòa-thượng đã đem lại nhiều hòa khí và niềm an-lạc cho các ban Trị-sự và làm tăng trưởng tinh thần tu học và phục-vụ Chánh cho toàn-thê Hội hữu Lâm-Đông rất nhiều.

Lễ khánh thành Trường Trung-học Bồ-đề Tuy-Hòa. — Trường Trung-học Bồ-đề, một cơ sở giáo-dục có uy tín của Tỉnh-hội Phật-giáo Phú-yên, vừa được khánh-thành long trọng trong ngày 31 tháng 10. Ngoài quý vị Thượng-Tọa, Đại-dức trong Giáo-hội, đại-diện Ban Trị-sự Trường Bồ-đề các tỉnh, người ta nhận thấy có ông Tỉnh-Trưởng Phú-yên, các vị Ty-trưởng và một số đông nhân vật cao cấp của các giới đến dự.

Trường Bồ-đề Tuy-hòa được đặt trên một khoảnh đất rộng rãi, thuận lợi cho việc học hành và

đi lại của học sinh. Tổng số chi phí lên đến 1.000.000 bạc.

Lễ khánh thành kéo dài suốt ngày và gồm có chương trình văn nghệ và thể thao.

Lớp Phật-Pháp cho Sinh-viên Học-sinh và thanh-niên nam nữ ở Thủ-Đô. — Một lớp Phật-pháp cho Sinh-viên, Học-sinh và Thanh-niên nam nữ hằng tuần vào 9 giờ sáng chủ nhật do quý vị Giảng-sư của Phật-Học-Viện Nam-Việt phụ trách đã khai giảng vào ngày 23-10-60. Lớp học càng ngày càng đông và hấp dẫn rất nhiều thanh-niên trí-thức ở Thủ-đô Sài-gòn.

Thành lập chi nhánh Phật-Học-viện. — Phật-Học-Viện Nam Việt đã thành lập thêm 1 chi nhánh của Phật-Học-Viện Nam Việt tại Định-Tường (Châu Phật Ân). Lễ khai giảng tổ chức vào ngày 13-11-60.

TIN THẾ-GIỚI

Cô-nhi-viện Phật-giáo tại Anuradhapura. — * Thật là một nỗi khổ tâm mà thấy rằng sự thấu nhận một em nhỏ vào một cô-nhi viện không Phật-giáo làm cho em ấy phải bỏ tín ngưỡng của nó. Trái lại điều tối tấn thường ở nơi cơ quan này là sự bảo đảm tự do tôn giáo cho những kẻ vào tá túc. Đó là lời tuyên bố của ông K. D. de Silva trong khi ông khánh-giành cô-nhi-viện Asoka Lama Niwasa ở Anuradhapura (Tích-Lan) do

hội Phật-giáo Anuradhapura quản trị.

Đức Đạt-Lai Lạt-ma ước vọng tự-do. — Trong một thông điệp gửi đến cho hội nghị Á-Phi về vấn đề Tây-Tạng, Đức Đạt-lai Lạt-ma đã bày tỏ lòng mong mỏi những cố gắng của các quốc gia mới mẻ có thể đem lại công bằng và tự-do cho xứ Tây-Tạng hiện đang chịu đau khổ dưới một hình thức thực-dân mới. Ngài nói

ràng tất cả những điều dân Tây-Tạng yêu cầu là được sống bình đẳng với các nước lân bang như trong quá khứ và theo lối sống cổ truyền riêng của mình.

Một triết - gia Phật - tử. —
« Nếu tôi lấy kết-quả của triết-học tôi để làm tiêu-chuẩn cho Chân-lý thì tôi phải thừa nhận đạo Phật là một tôn giáo cao hơn hết trên thế giới ». Nhà triết-gia nổi tiếng người Đức Schopenhauer tác - giả cuốn « Thế-giới xét về ý-chí và ý tượng », đã nói như vậy.

Ông đã nói thêm rằng : « Trong mọi trường hợp tôi lấy làm vui sướng nhận thấy học thuyết của tôi rất hợp với một tôn giáo có đông tín-đồ nhất trên thế - giới ». Ông ta đã tự xem mình như là một Phật-tử. Xưa kia, trong nhà ông có một tượng Phật mạ vàng mà ông thường cung kính mỗi lúc đến gần. Mặc dầu vào thời ông tài liệu về Phật-giáo còn hiếm có ông cũng đã đạt được một sự hiểu biết rõ ràng về mọi khía cạnh của Phật - giáo. Khi ông mất ông để lại một tủ sách có hầu hết tất cả những sách quan trọng về Phật-giáo đã được xuất bản vào thời bấy giờ.

Những tác phẩm của ông đã có ảnh hưởng rất lớn với những triết-gia khác và nói riêng đã khuyến-khích những nhà uyên bác tham khảo chín chắn Phật-giáo. Sự phát triển của công cuộc nghiên cứu Phật-giáo tại Đức trong nửa thế kỷ 19 cũng là nhờ ông Schopenhauer đã lãnh-đạo vậy.

Phàm - cách và thuần - khiết của Tăng - già. — Cách đây đã

lâu Thủ-tướng Tích-Lan Senanayake có đề nghị với chư Tăng nên đề Chánh-phủ ủng hộ thành lập Giáo-quyền cho Tăng-giới ngõ hầu bảo vệ phàm - cách thuần - khiết trong Tăng-giới. Ông đã xin các vị Tăng-trưởng cho biết ý-kiến về vấn đề đó và các vị Su-trưởng đã họp thảo luận vấn đề này.

Sách tặng Đại - học Phật - giáo. — Nhận danh Chính phủ Ấn-độ, Cao-ủy Ấn tại Tích - Lan đã trao tặng Đại - Học - Đường Phật-giáo Tích - Lan Vidyodaya một bộ sách gồm những sách về Sử - ký, triết-học, văn-hóa, mỹ-thuật trị giá trên 32.000\$. Vị Phó Viện-trưởng đã thấu nhận những sách này và tuyên bố là sự liên-lạc văn-hóa giữa hai nước đã có lâu từ trên hai ngàn năm và hai nước phải trao đổi tư-tưởng với nhau.

Học bổng cho chư Tăng. — Hội-Đồng Cổ-Văn Phật-Giáo Tích-Lan đã khuyến-nhủ ông Bộ-trưởng Giáo-dục Tích-Lan lập một chương trình trao đổi các vị Tăng giữa các nước Việt-Nam, Nhật-Bản, Thái-Lan, Cao-Miên, Diên-Điện, Tích-Lan v. v. .

Theo chương trình này thì năm vị Tỳ-kheo của Tích-Lan có thể đến trú-ngụ và nghiên cứu Phật-giáo tại năm nước khác. Học bổng sẽ cấp cho các vị Tỳ - kheo có thể nghiên-cứu Phật-giáo trong hai năm và phiên dịch kinh sách các nước đó ra tiếng Tích - Lan. Những vị Tỳ-kheo các nước khác thì lại có thể nghiên - cứu Phật - giáo * tại Tích - Lan và dịch những kinh sách địa - phương ra tiếng của họ.